

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ
TỘI PHẠM HỌC VÀ PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 08.38.01.05

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. TRẦN HỮU TRÁNG

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những nội dung đã trình bày trong luận văn là những kiến thức của bản thân tôi có được trong quá trình học tập, tham khảo, nghiên cứu tài liệu và thực tiễn công tác dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Trần Hữu Tráng. Những nội dung của các tác giả khác đã được trích dẫn, ghi chú theo đúng quy định. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN	12
1.1. Khái niệm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản	12
1.2. Các đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội trộm cắp tài sản	14
1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản	22
1.4. Các yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản	24
Tiểu kết Chương 1	27
Chương 2: THỰC TIỄN NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG.....	29
2.1. Khái quát tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương.....	29
2.2. Cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo các đặc điểm nhân thân người phạm tội.....	34
2.3. Thực tiễn những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản tại Bình Dương	37
Tiểu kết Chương 2.....	53
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM TRỘM CẮP TÀI SẢN TỪ KHÍA CẠNH NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG	55
3.1. Các giải pháp tăng cường phòng ngừa tội trộm cắp tài sản từ khía cạnh nhân thân người phạm tội.....	55
3.2. Các giải pháp phòng ngừa tái phạm tội.....	68
Tiểu kết Chương 3.....	72
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
HĐND	Hội đồng nhân dân
HSST	Hình sự sơ thẩm
KSND	Kiểm sát nhân dân
PNTP	Phòng ngừa tội phạm
TAND	Tòa án nhân dân
THTP	Tình hình tội phạm
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Thống kê án hình sự đã xét xử và án trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2017;

Bảng 2.2: Thống kê án hình sự đã xét xử về tội trộm cắp tài sản với nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2017;

Bảng 2.3: Bảng thống kê độ tuổi và giới tính của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.4: Bảng thống kê trình độ học vấn của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.5: Bảng thống kê nghề nghiệp và địa vị xã hội của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.6: Bảng thống kê hoàn cảnh gia đình của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.7: Bảng thống kê nơi cư trú theo đơn vị hành chính của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.8: Bảng thống kê dân tộc của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.9: Bảng thống kê tiền án, tiền sự của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.10: Bảng thống kê phương thức thực hiện tội phạm trộm cắp tài sản;

Bảng 2.11: Bảng thống kê công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm trộm cắp tài sản;

Bảng 2.12: Bảng thống kê động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.13: Bảng thống kê thái độ khai báo của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.14: Bảng thống kê mối quan hệ giữa nạn nhân và các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.15: Bảng thống kê thời gian gây án của các vụ án trộm cắp tài sản;

Bảng 2.16: Bảng thống kê địa điểm gây án của các vụ án trộm cắp tài sản;

Bảng 2.17: Bảng thống kê thiệt hại do các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.18: Bảng thống kê hình phạt đã áp dụng đối với các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.19: Bảng thống kê sở thích, thói quen của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.20: Bảng thống kê nhận thức, tâm lý của các bị cáo trước khi phạm tội trộm cắp tài sản;

Bảng 2.21: Bảng thống kê thái độ, nhận thức, tâm lý của các bị cáo sau khi phạm tội trộm cắp tài sản.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bình Dương trước đây là một phần của tỉnh Sông Bé, nay tách thành Bình Dương và Bình Phước. Là tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ - và là một trong những tỉnh công nghiệp hàng đầu của cả nước. Phía Nam và phía Tây giáp thành phố Hồ Chí Minh, phía đông giáp tỉnh Đồng Nai, phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước. Bình Dương có diện tích tự nhiên hơn 2.690 km² (chiếm khoảng 0,83% diện tích cả nước, khoảng 12% diện tích miền Đông Nam Bộ); dân số 1.995.817 người, mật độ dân số là 741 người/ km², gồm 15 dân tộc khác nhau, nhưng đông nhất là người Kinh và sau đó là người Hoa, người Khơ Me...

Bằng những chính sách phù hợp Bình Dương đã thu hút được nhiều dự án đầu tư nước ngoài với số vốn lên đến hàng tỷ đô la. Đến nay, toàn tỉnh có 12 cụm công nghiệp và 29 khu công nghiệp, với diện tích hơn 13.600 ha. Với những khu công nghiệp như VSIP 1, 2, Mỹ Phước, Đồng An... là tiêu biểu cho cả nước về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và hoàn chỉnh. Nhiều khu dân cư, đô thị mới hiện đại, văn minh được hình thành, trong đó nổi bật nhất là "Thành phố mới Bình Dương" với điểm nhấn là Trung tâm hành chính tập trung của tỉnh.

Bên cạnh phát triển kinh tế Bình Dương còn được biết đến với bề dày lịch sử, văn hóa phong phú - đa dạng. Tính đến nay, tỉnh Bình Dương có 40 di tích lịch sử, văn hóa được công nhận cấp tỉnh, 12 di tích lịch sử, văn hóa được công nhận cấp quốc gia. Bình Dương tạo ấn tượng sâu sắc với làng nghề thủ công truyền thống với các sản phẩm thủ công được chế tác từ những làng nghề nổi tiếng đã tồn tại trên địa bàn hơn 200 năm.

Với lịch sử hơn 200 năm hình thành và phát triển, đất và người Bình Dương đã, đang và sẽ tiếp tục tạo được hình ảnh và ấn tượng sâu sắc trong lòng của bạn bè quốc tế. Đó không chỉ là sự ấn tượng bởi kinh tế phát triển, năng động, của một môi trường đầu tư thông thoáng mà còn ở đôi bàn tay khéo léo và khối óc sáng tạo của người Bình Dương đã thể hiện thông qua các sản phẩm thủ công vừa đẹp mắt, vừa tinh tế, chuyển tải trong đó những thông điệp đối ngoại tốt đẹp ra thế giới. Bình Dương luôn là vùng đất của hội tụ. Thế và lực của Bình Dương hôm nay là kết quả phấn đấu kiên cường, năng động, sáng tạo không ngơi nghỉ của bao lớp cư dân trên vùng đất này qua các thời kỳ lịch sử. Đó là hành trang, là vốn liếng quan trọng để Bình Dương cất cánh trong thời kỳ mới – thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2020.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì mặt trái nền kinh tế thị trường cũng phản ánh các yếu tố tiêu cực cho đời sống xã hội: Tình trạng thất nghiệp, tệ nạn xã hội, sự phân hóa giàu-nghèo, lối sống tiêu cực, cơ chế chính sách chậm đổi mới. Địa bàn Bình Dương khá phức tạp phần lớn dân nhập cư tự do từ các tỉnh khác đến nên gây khó khăn trong công tác quản lý con người và quản lý xã hội đã làm cho tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Dương diễn biến hết sức phức tạp các tội giết người, cướp giật, trộm cắp tài sản... xảy ra ngày càng nhiều.

Tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, năm tăng năm giảm không theo một xu hướng nhất định. Tuy nhiên, tính chất, mức độ ngày càng mạnh động, liều lĩnh, nguy hiểm, côn đồ, hầu hết đều có sử dụng hung khí, nhất là hung khí nguy hiểm; Hậu quả làm thiệt hại đến tài sản và có thể ảnh hưởng đến cả tính mạng, sức khỏe con người; Động cơ, mục đích nhằm chiếm đoạt bằng được tài sản ... xuất phát từ việc thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Đối tượng phạm tội phần lớn là

nam giới ở độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi; Địa điểm xảy ra tội phạm xảy ra ở đều khắp các huyện, thị xã, chiếm số lượng lớn ở huyện Dĩ An, thị xã Thuận An; Thời gian xảy ra chủ yếu từ 0-4 giờ, là giờ người dân đang yên giấc sau một ngày làm việc vất vả. Thực trạng trên cho thấy nguyên nhân sâu xa là do những tác động tiêu cực từ các tệ nạn xã hội, môi trường sống, và thói hư tật xấu của một bộ phận người dân trong tỉnh, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội chính là dựng lại còn đường phạm tội của người đầy. Ý thức được tầm quan trọng của nhân thân trong cơ chế hành vi phạm tội, định tội danh, định khung và quyết định hình phạt một cách chính xác và xuất phát từ yêu cầu của hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm và ngăn ngừa tội phạm trộm cắp tài sản phát sinh trong thời gian tới của các cấp chính quyền tại Bình Dương nên tác giả chọn đề tài “**Nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương**” để làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong thời gian qua, đã có nhiều tác giả nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đề tài, góp phần hoàn thiện lý luận về tội phạm học đồng thời đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội hiện nay. Có thể phân các công trình đã nghiên cứu về nhân thân người phạm tội thành các nhóm sau đây:

*** Nhóm các công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội, gồm các công trình nghiên cứu tiêu biểu sau:**

- Giáo trình tội phạm học, do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, Đại học Huế - Trung tâm đào tạo từ xa, năm 2011;
- Giáo trình tội phạm học của tập thể tác giả, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2012, tái bản năm 2013, 2015;
- Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn, của tập thể tác giả, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, năm 2000;

- Một số vấn đề về tội phạm học Việt Nam, do GS.TS. Nguyễn Văn Cảnh và PGS.TS. Phạm Văn Tỉnh chủ biên, Học viện cảnh sát nhân dân, năm 2013;

- “*Tội phạm học Việt Nam-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Viện Nhà nước và Pháp luật, Nxb. Công an nhân dân, năm 2000;

- “*Một số vấn đề lý luận về THTP ở Việt Nam*” của TS. Phạm Văn Tỉnh, Nxb. Công an nhân dân, 2007;

Các công trình nghiên cứu sẽ là tài liệu quan trọng hỗ trợ tác giả hoàn thiện phần lý luận trong luận văn của mình, vì nó đã phân tích rõ những lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội, bao gồm khái niệm, các đặc điểm, phân loại nhân thân người phạm tội...

*** Nhóm các đề tài nghiên cứu nhân thân người phạm tội dưới góc độ khoa học Luật hình sự:**

- Luận án Tiến sĩ luật học: “*Nhân thân người phạm tội trong trong luật hình sự Việt Nam*” của Nguyễn Thị Thanh Thủy, năm 2005;

- Luận văn Thạc sĩ luật học: “*Nhân thân người phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*” của tác giả Lưu Thị Hằng, Học viện Khoa học xã hội 2017;

- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội với việc quy trách nhiệm hình sự*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Tòa án, số 8/2001, tr. 2-7;

- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội một căn cứ cần cân nhắc khi quyết định hình phạt*” của tác giả Trịnh Tiến Việt, Tạp chí Kiểm sát, số 1/2003, tr. 21-23;

- Bài viết: “*Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn quyết định hình phạt*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 19/2005, tr. 3-9;

- Bài viết: “*Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*” của tác giả Đinh Văn Quế, Tạp chí Tòa án, số 13/2009, tr. 23- 27 và số 14, tr. 19-28;

*** Nhóm các đề tài nghiên cứu nhân thân người phạm tội dưới góc độ Tội phạm học:**

- ***Nhóm công trình nghiên cứu bổ sung những lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội:***

- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản*” của tác giả GS.TS. Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án, số 10/2001, tr.7-11 và Số 11/2001, tr. 5-8;

- Bài viết: “*Một số vấn đề về nhân thân người phạm tội*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2001, tr. 46-53;

- Bài viết: “*Một số vấn đề nhân thân người phạm tội*” của tác giả Nguyễn Quang Hạnh, Tạp chí Nghề luật, số 1/2013, tr. 52-57;

- Bài viết: “*Đặc điểm nhân thân người phạm tội và phương thức thực hiện tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” của tác giả Lê Văn Định, Tạp chí Kiểm sát, số 6/2015, tr. 47-53

- ***Nhóm công trình nghiên cứu về thực tiễn nhân thân người phạm tội:***

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội cướp tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh* của Nguyễn Thị Phương Ngọc (2018) Học viện Khoa học xã hội;

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội về ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng* của Trần Thanh Tịnh (2018), Học viện Khoa học xã hội;

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở*

hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam của Nguyễn Bá Ngọc (2018), Học viện Khoa học xã hội;

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội về ma túy trên địa bàn tỉnh Nam Định của Phạm Tuấn Tài (2018) Học viện Khoa học xã hội;*

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước của Nguyễn Thanh Tuấn (2017), Học viện khoa học xã hội;*

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh của Lê Ngô Phương Thanh (2017), Học viện khoa học xã hội;*

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh của Phan Thị Phương Thảo (2017), Học viện khoa học xã hội;*

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Xuân Bá (2017), Học viện khoa học xã hội;*

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh của Lê Đình Toàn (2017), Học viện khoa học xã hội;*

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh của Phan Ái Nhi (2016), Học viện khoa học xã hội;*

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang của Hồ Thanh Lam (2016), Học viện khoa học xã hội;*

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Phòng ngừa tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long từ góc độ nhân thân người phạm tội* của Nguyễn Chí Công (2013), Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;

- Luận văn Thạc sĩ luật học: *Nhân thân người phạm tội trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh* của Phạm Uyên Thy (2015), Học viện khoa học xã hội;

Đánh giá chung:

Khảo cứu kết quả của các công trình trên cho thấy, nhiều công trình trong các công trình nghiên cứu nêu trên đã làm rõ những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội, như khái niệm nhân thân người phạm tội, các đặc điểm nhân thân người phạm tội, phân loại nhân thân người phạm tội ... Đây là những nền tảng lý luận quan trọng cho việc nghiên cứu chuyên sâu về nhân thân người phạm các nhóm tội, loại tội. Các công trình cũng đã nghiên cứu thực tiễn nhân thân người phạm một loại tội hoặc nhóm tội ở một số địa phương nhất định, như các tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản, tội hiếp dâm trẻ em, tội giết người, nhóm tội xâm phạm sở hữu, nhóm tội xâm phạm tình dục ... tại thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Bình Phước, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Nam Định... Những công trình nghiên cứu này sẽ cung cấp phương pháp luận để tác giả sử dụng trong việc nghiên cứu nhân thân của một nhóm tội, loại tội trên địa bàn một địa phương cụ thể.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có tác giả nào nghiên cứu về nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Do đó, khi nghiên cứu các công trình khoa học trên tác giả sẽ có cơ hội được kế thừa những kiến thức lý luận về nhân thân người phạm tội, tham khảo giải pháp phòng ngừa tương ứng từng loại tội..., tác giả sẽ phân tích những mặt được và chưa của các công trình nghiên cứu trên từ đó chọn lọc

những cái hay để học hỏi, tiếp tục làm rõ và phát triển những mặt còn hạn chế, trên cơ sở đó tác giả sẽ vận dụng để nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ thực tiễn xét xử các tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2017.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ thực tiễn nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2017, tác giả hướng đến mục đích đề xuất các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ góc độ nhân thân người phạm tội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Thứ nhất phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản.

- Thứ hai là phân tích làm rõ những yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm thân người phạm tội này trên địa bàn tỉnh Bình Dương, thực tiễn nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản, trên cơ sở hồ sơ các vụ án đã xét xử sơ thẩm từ năm 2013 đến năm 2017 của TAND tỉnh và số liệu thống kê thường xuyên của các cơ quan tư pháp; Các báo cáo tổng kết năm của cơ quan Công an, Viện KSND và TAND tỉnh Bình Dương;

- Thứ ba là đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh phòng ngừa tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ góc độ nhân thân người phạm tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản và thực tiễn nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Để có đủ chất liệu nghiên cứu, tác giả dựa trên số liệu thống kê của TAND tỉnh Bình Dương và tổng hợp các đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản từ 100 bản án HSST của TAND các cấp tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2017 được sưu tầm một cách ngẫu nhiên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về chuyên môn, đề tài nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương dưới góc độ Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

- Về không gian, đề tài giới hạn phạm vi nghiên cứu là các vụ án đã được TAND các cấp tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm về tội trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 138 BLHS 1999 (Nay là Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017).

- Về thời gian, đề tài được nghiên cứu trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2017. Đây là khoảng thời gian mà các vụ án phạm tội trộm cắp tài sản vẫn được xét xử theo Điều 138 BLHS 1999. Vì vậy, nội dung nghiên cứu của luận văn khi bàn về lý luận cũng như các dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản, tác giả vẫn chủ yếu phân tích dựa trên quy định của BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, trong sự so sánh với BLHS 2015, sửa đổi năm 2017.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về tội phạm, các chủ trương chính sách, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội trộm cắp tài sản trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền tại Việt Nam. Tác giả sử dụng cách tiếp cận từ lý luận của cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả, nguyên lý về mối liên hệ phổ biến; Từ nội dung của triết học duy vật biện chứng để lý luận cho sự hình thành các

đặc điểm nhân thân của người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp đặc trưng của tội phạm học phù hợp với từng nội dung nghiên cứu:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống, diễn dịch, suy luận logic...: Đánh giá diễn biến, thực trạng, cơ cấu tình hình và những yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2013-2017.

- Phương pháp kế thừa thông tin, nghiên cứu tài liệu, số liệu: các văn bản pháp lý, các công trình khoa học, bản án, báo cáo sơ kết, tổng kết các ban, ngành có liên quan để làm rõ lý luận nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Tác giả sử dụng một số vụ án để phân tích những trường hợp điển hình nhằm làm rõ các tác nhân làm hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực ở những người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tác giả cũng dựa trên số liệu thống kê từ 100 bản án HSST được lựa chọn bất kỳ để nghiên cứu các đặc điểm nhân thân người phạm tội.

- Phương pháp suy luận logic, phân tích, tổng kết kinh nghiệm: Từ thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh từ năm 2013 đến 2017, đưa ra các phương pháp phòng ngừa loại tội này từ khía cạnh nhân thân người phạm tội trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn, yếu tố mới cần đạt được

- *Ý nghĩa lý luận*: Luận văn sẽ góp một phần nhỏ nhằm bổ sung và làm phong phú thêm lý luận về nhân thân người phạm tội nói chung, nhân thân

người phạm tội trộm cắp tài sản nói riêng, từ đó hỗ trợ làm phong phú thêm lí luận của Tội phạm học.

- *Ý nghĩa thực tiễn*: Làm rõ các đặc điểm nhân thân có tính chất tiêu cực, nguyên nhân hình thành các đặc điểm đó và biện pháp nhằm hạn chế sự hình thành các đặc điểm tiêu cực này. Đây cũng là chiến lược phòng ngừa sớm trong lí luận tội phạm học đang được Nhà nước và Đảng ta tích cực triển khai thực hiện trong xã hội. Với kết quả nghiên cứu đạt được sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hỗ trợ tích cực cho học sinh, sinh viên trong quá trình học tập, và các cơ quan bảo vệ pháp luật tỉnh Bình Dương tham khảo trong quá trình phòng ngừa tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Bên cạnh phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn được chia thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản.

Chương 2: Thực tiễn nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 – 2017.

Chương 3: Các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản từ góc độ nhân thân người phạm tội trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN

1.1. Khái niệm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản

Xét về mặt thuật ngữ, khái niệm nhân thân người phạm tội được hình thành từ khái niệm chung của xã hội học “nhân thân con người” và khái niệm pháp lý hình sự “người phạm tội”. Do vậy, trước khi nghiên cứu khái niệm nhân thân người phạm tội chúng ta cần phải tìm hiểu khái niệm của xã hội học về nhân thân con người.

Theo Từ điển tiếng Việt, nhân thân con người được định nghĩa là: *“Tổng hợp các đặc điểm về nhân thế, tính cách và cuộc sống của cá nhân một con người về mặt thi hành pháp luật”* [40, tr. 45].

Định nghĩa này cho thấy, nói đến nhân thân con người là nói đến toàn bộ các đặc điểm riêng có của một con người. Tuy nhiên, định nghĩa này chỉ giới hạn các đặc điểm cá nhân về mặt thi hành pháp luật là chưa đủ, vì sẽ có nhiều đặc điểm cá nhân không liên quan đến thi hành pháp luật nhưng vẫn là những đặc điểm nhân thân quan trọng của con người, như tình cảm yêu ghét, căm thù, thói quen, sở thích... Vì vậy, định nghĩa trên chưa bao quát hết các đặc điểm nhân thân của con người.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin nhân thân con người là một phạm trù lịch sử - xã hội. Nó là sản phẩm của một thời đại nhất định, được quy định bởi những điều kiện lịch sử cụ thể của hiện thực xã hội. Mỗi thời đại khác nhau sản sinh ra những mẫu người không giống nhau, song dù ở thời đại nào thì bản chất con người luôn luôn là “tổng hòa những mối quan hệ xã hội” [5, tr.150].

Bản chất của con người gồm những nội dung: Về sinh học và xã hội. Con người là sản phẩm của tự nhiên do đó trước hết sẽ mang đặc tính sinh

học. Trong con người yếu tố sinh học sẽ quyết định sự xuất hiện những hiện tượng, quá trình tâm, sinh lý. Bên cạnh đó, muốn tồn tại đòi hỏi con người phải có quá trình hoạt động để phục vụ nhu cầu của mình như ăn, uống, ngủ nghỉ,... Trong quá trình phát triển của xã hội loài người, con người luôn có mối quan hệ khăng khít với nhau trong quá trình sản xuất cũng như trong mọi quá trình sinh hoạt khác. Vì thế, con người luôn mang đặc tính xã hội. Nhân thân của một con người là sự thống nhất giữa các yếu tố xã hội và yếu tố sinh học, trong đó yếu tố xã hội mang tính chất quyết định, nhưng yếu tố sinh học cũng có ý nghĩa riêng. Nhân thân con người là tất cả các đặc điểm sinh học, tâm lý và xã hội có liên quan đến một con người, thể hiện bản chất riêng của họ. Nói cách khác, nhân thân con người là tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu thể hiện bản chất của con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội.

Bàn về nhân thân người phạm tội có tác giả cho rằng “*Nhân thân người phạm tội được hiểu là nhân thân người có lỗi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự cấm đoán và trừng phạt*” [28, tr.175, 176]. Cũng có tác giả cho rằng nhân thân người phạm tội là tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự quy định là tội phạm được hiểu là tổng hợp tất cả các dấu hiệu, những đặc điểm, có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với điều kiện, hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó [27, tr.131].

Quan điểm của tác giả đồng tình với quan điểm của Giáo sư, Tiến sĩ Võ Khánh Vinh khi cho rằng nhân thân người phạm tội là toàn bộ những dấu hiệu, những đặc điểm thể hiện bản chất của một con người trong các mối quan hệ xã hội mà người đó bị coi là phạm tội theo quy định của BLHS. Ta có thể hiểu nhân thân người phạm tội như sau: Đó là tất cả những gì thuộc về hoặc gắn liền với một con người cụ thể giúp ta có thể phân biệt được người này với

người kia như tên, tuổi, quê quán, giới tính, tôn giáo, nghề nghiệp, trình độ học vấn, dân tộc, địa vị xã hội, tiền án, tiền sự....

Để đưa ra được định nghĩa cho khái niệm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản, cần làm rõ khái niệm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 138 BLHS 1999, nay là Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017. Trên nền tảng khái niệm tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 8 BLHS năm 1999 (Nay là khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015, sửa đổi 2017) có thể hiểu, tội trộm cắp tài sản là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Điều 138 BLHS 1999 (Nay là Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi 2017), do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, bằng hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác.

Như vậy, nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản là là *tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu thể hiện bản chất xã hội của con người và các đặc điểm, dấu hiệu này trong sự kết hợp với các điều kiện, hoàn cảnh nhất định đã dẫn đến người đó thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999 (Nay là Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi 2017).*

1.2. Các đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội trộm cắp tài sản

Nhân thân người phạm tội nói chung bao gồm các đặc điểm, dấu hiệu có mối quan hệ qua lại, gắn bó với nhau dù hình thức biểu hiện, vai trò có khác nhau. Khi tìm hiểu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản ta sẽ thấy những điểm đặc trưng riêng nhằm giúp phân biệt với người không phạm tội và những người phạm các tội khác trong BLHS. Trong Tội phạm học, các đặc điểm nhân thân người phạm tội thường được chia thành ba nhóm: Nhóm dấu hiệu xã hội – nhân khẩu; Nhóm dấu hiệu đạo đức – tâm lý xã hội và nhóm dấu hiệu pháp lý – hình sự [28, tr. 194].

1.2.1. Nhóm dấu hiệu xã hội – nhân khẩu trong nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản

1.2.1.1 Đặc điểm về độ tuổi

Khi tìm hiểu đặc điểm lứa tuổi của người phạm tội trộm cắp tài sản giúp xác định mức độ, đặc điểm, tính chất tội phạm của từng lứa tuổi và tác động của những độ tuổi khác nhau đến việc thực hiện tội phạm trộm cắp tài sản. Tội trộm cắp tài sản có đặc điểm đặc thù của hành vi là lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi này không đòi hỏi phải có những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, cũng không đòi hỏi phải sử dụng sức mạnh cơ thể nên đây là loại hành vi bất cứ lứa tuổi nào cũng có thể thực hiện được. Có thể nói, trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt thì tội trộm cắp tài sản là một trong những tội dễ dàng thực hiện nhất. Những người từ đủ 14 tuổi trở lên đều có thể thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 12 của BLHS 1999, sửa đổi năm 2009 thì những người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về các tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Điều 138 BLHS 1999, sửa đổi năm 2009 có khoản 1 là tội phạm ít nghiêm trọng; Khoản 2 là tội phạm nghiêm trọng; Khoản 3 là tội phạm rất nghiêm trọng và khoản 4 là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS trong các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 138 BLHS 1999. Tương tự như vậy, theo quy định tại Điều 12 và Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi năm 2017 thì người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ có thể phải chịu TNHS trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi năm 2017. Có thể chia người phạm tội trộm cắp tài sản thành 04 nhóm: Dưới 18 tuổi, từ 18 đến 30 tuổi, từ 30 đến 45 tuổi, từ trên 45 tuổi. Từ 45 trở lên, con người suy nghĩ và hành động chín chắn hơn nên có khả năng kiềm chế hơn, biết lựa chọn phương pháp khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân thay vì xâm

phạm tài sản của người khác. Những bị cáo chưa thành niên (dưới 18 tuổi) chỉ chiếm tỉ lệ thấp, nhưng đã có xu hướng tăng cao trong những năm gần đây. Nguyên nhân khiến nhóm đối tượng này phạm tội gia tăng là do ham chơi, đua đòi, nhận thức còn hạn chế, nghiện game online và sự gia tăng các loại thú vui tiêu khiển không lành mạnh, tiếp cận với internet quá sớm, tiếp thu thông tin không đúng cách, sự phát triển sớm hơn về mặt thể chất, tâm sinh lý [5, tr.169]. Như đã đề cập ở trên, hành vi trộm cắp tài sản không quá phức tạp, khó khăn, liều lĩnh như hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, cướp tài sản, cướp giết tài sản... Do vậy đối tượng phạm tội này nằm ở mọi lứa tuổi. Tuy nhiên, nhóm người trong độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi vẫn là nhóm phạm tội phổ biến, do những người trong nhóm tuổi này là những người công việc chưa ổn định, hoặc nếu có việc thì thu nhập thấp, trong khi nhu cầu tiêu dùng cho cá nhân cao, cộng thêm lười lao động, đua đòi, thích ăn chơi thì sẽ dễ phát sinh hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

1.2.1.2. Đặc điểm về giới tính

Nghiên cứu đặc điểm giới tính của người phạm tội trộm cắp tài sản giúp chúng ta xác định tỷ lệ người phạm tội trộm cắp tài sản giữa nam và nữ, ảnh hưởng của giới tính đến việc thực hiện các tội trộm cắp tài sản.

Nam giới có đặc điểm tâm-sinh lý sau: Khả năng kiềm chế kém, dễ bị tiêm nhiễm các thói quen xấu như lười lao động, thích hưởng thụ, thích thể hiện, sĩ diện, sử dụng rượu, bia, chất kích thích, cờ bạc.... do đó nam giới dễ thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản nhằm thỏa mãn các nhu cầu sai lệch của mình. Cấu trúc tâm sinh lý của nữ giới thường kiên nhẫn, chăm chỉ, chịu khó, do đó khả năng thực hiện tội phạm trộm cắp tài sản của nữ giới ít hơn nam giới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây cơ cấu người phạm tội xét theo giới tính đang có sự thay đổi. Số lượng người phạm tội là nữ giới đang có xu hướng tăng lên và các loại tội phạm do họ thực hiện ngày càng đa dạng.

Đặc biệt, loại tội trộm cắp tài sản do nữ giới thực hiện ngày càng tăng và phương thức thực hiện ngày càng đa dạng. Sở dĩ như vậy là do một bộ phận nữ giới lười lao động, cũng bị nhiễm một số thói xấu, như ăn chơi, đua đòi, thích tụ tập, ăn diện, nghiện hút... Mặt khác, tội trộm cắp tài sản lại không cần dùng đến sức mạnh nên khá phù hợp với đặc điểm hành vi của nữ giới.

1.2.1.3. Đặc điểm về trình độ học vấn

Là yếu tố quan trọng thể hiện khả năng nhận thức của một người khi thực hiện tội phạm. Khi tìm hiểu trình độ học vấn của người phạm tội sẽ phát hiện được con đường hình thành nhân cách sai lệch của họ, biết được những thông tin về đặc điểm, tính chất, mức độ... của tình hình tội phạm do những người có trình độ học vấn khác nhau gây ra. Những người có trình độ học vấn cao thì khả năng kiểm chế, kiểm soát hành vi, khả năng nhận thức, hiểu biết về pháp luật, xã hội của họ tốt hơn, vì họ biết hành vi nào là trái pháp luật cần tránh vi phạm nên ít dẫn đến phạm tội. Ngược lại người có trình độ học vấn thấp thì khả năng nhận thức và hiểu biết về pháp luật hạn chế, nên khả năng kiểm chế và kiểm soát được hành vi của họ trong những tình huống cụ thể kém. Thường thì những người phạm tội trộm cắp tài sản đa phần đều có trình độ học vấn thấp.

Học vấn thấp sẽ đi kèm với việc hiểu biết pháp luật, ý thức tuân thủ pháp luật kém. Đa phần những người phạm tội trộm cắp tài sản thiếu kiến thức về pháp luật, dẫn đến coi thường pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật, ngoài ra họ còn thường có tâm lí háms lợi, thích hưởng thụ, lười lao động, tìm mọi cách để kiếm tiền kể cả phải vi phạm pháp luật.... Một số người nghĩ rằng có thể trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật hoặc tin rằng không ai có thể phát hiện ra hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, học vấn thấp thường không có nghề nghiệp nên công việc bấp bênh, thu nhập thấp. Những người

này nếu lười lao động, nghiện hút, chơi cờ bạc... thì rất dễ dẫn đến thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để có tiền phục vụ nhu cầu sai trái của mình.

Căn cứ vào yếu tố trình độ học vấn, người phạm tội trộm cắp tài sản được chia thành 03 loại: Thứ nhất, người không biết chữ và người có trình độ tiểu học; Thứ hai, người có trình độ trung học cơ sở; Thứ ba, người có trình độ trung học phổ thông, cao đẳng, đại học.

1.2.1.4. Đặc điểm nghề nghiệp

Những người có công việc ổn định, tài chính tốt, cuộc sống đầy đủ sẽ ít bị những ảnh hưởng bởi các tác nhân xấu làm hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực. Người có công việc không ổn định, lao động chân tay nặng nhọc, thu nhập thấp, thu nhập bấp bênh... là những yếu tố tác động lớn đến việc hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội trộm cắp tài sản. Nghiên cứu đặc điểm nghề nghiệp, có thể phân thành 03 loại: Nghề nghiệp ổn định, nghề nghiệp không ổn định và không nghề nghiệp.

1.2.1.5. Đặc điểm hoàn cảnh gia đình

Hoàn cảnh gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành các đặc điểm cá nhân và ở mức độ nhất định chúng cũng ảnh hưởng đến tính định hướng và tính vững chắc của hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, dẫn đến họ sẽ có tính chống đối xã hội, và có những hành vi đi ngược với các chuẩn mực xã hội. Được sống trong một môi trường gia đình tốt sẽ thúc đẩy tính tích cực của mỗi thành viên, ngoài ra gia đình còn giữ vai trò giám sát, kiểm tra, điều chỉnh hành vi của từng người trong gia đình, giảm thiểu các hiện tượng tiêu cực phát sinh trong mỗi thành viên. Trong mỗi gia đình cần duy trì mối quan hệ gần gũi, ấm cúng, những xử sự văn hóa, nhân ái, vị tha giữa các thành viên; bên cạnh đó mỗi người cần thấy được trách nhiệm, vai trò của mình trong việc xây dựng gia đình, cùng nhau điều chỉnh, định hướng hành vi của mỗi người, giúp hạn chế những hành vi tiêu cực xảy ra. Ngược lại, những

người sống trong các gia đình bị khiếm khuyết (Cha mẹ ly hôn, cha hoặc mẹ chết...), gia đình kinh tế khó khăn, gia đình có những thành viên thường xuyên vi phạm pháp luật hoặc sống không hòa thuận hạnh phúc thì có tác động rất tiêu cực đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân xấu, như sự tự ti, bi quan, bất mãn, luôn cảm thấy bất công, chán nản, thậm chí căm giận cuộc đời, từ đó lao vào các tệ nạn rượu chè, ma túy... Và để có tiền phục vụ các nhu cầu này, họ buộc phải thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

1.2.2. Nhóm dấu hiệu đạo đức - tâm lý trong nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản

1.2.2.1. Quan điểm, thái độ, nhận thức đối với các giá trị đạo đức xã hội

Tìm hiểu nhóm dấu hiệu này là khai thác khả năng nhận thức, các quan điểm, thái độ của một người đối với các chuẩn mực đạo đức xã hội như: Đối với tổ quốc, đối với nghĩa vụ của công dân, với pháp luật, với gia đình, với lao động, đối với các mối quan hệ trong xã hội và với chính bản thân. Nghiên cứu quan điểm, thái độ, nhận thức đối với các giá trị đạo đức xã hội của người phạm tội trộm cắp tài sản giúp ta giải thích vì sao trong những điều kiện hoàn cảnh cụ thể một con người lại thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Nghiên cứu về người phạm tội trộm cắp tài sản cho thấy đa số quan niệm của họ về chân - thiện - mỹ, về cái tốt, cái đẹp, cái xấu, cái thiện, cái ác,... thường bị bóp méo, lệch lạc. Họ luôn đưa lợi ích các nhân lên hàng đầu và không để ý đến lợi ích của xã hội, của người khác. Vì vậy, họ chỉ lựa chọn những biện pháp có thể đem lại lợi ích cho bản thân, nhất là các lợi ích vật chất, kể cả điều đó có thể xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của người khác [28, tr.156].

1.2.2.2. Nhu cầu, sở thích, thói quen

Gắn liền với mỗi người phạm tội trộm cắp tài sản là những đặc điểm nhu cầu, sở thích, thói quen tiêu cực, không lành mạnh, họ luôn tìm mọi cách để thoả mãn nhu cầu, sở thích đó kể cả phải phạm tội. Những động cơ, mục

đích phạm tội và sự kiên định thực hiện tội phạm thường được hình thành từ nhu cầu, sở thích, thói quen không lành mạnh. Đối với mỗi loại tội phạm khác nhau thì người phạm tội cũng xuất phát từ nhu cầu, sở thích, thói quen khác nhau.

Người phạm tội trộm cắp tài sản thường có thái độ lười lao động, tư tưởng làm ít hưởng nhiều, nhu cầu sở thích vượt quá khả năng tài chính, thói quen tụ tập rượu bia, hút chích và bài bạc...

1.2.2.3. Động cơ, mục đích phạm tội

Tìm hiểu dấu hiệu này sẽ biết được nguyên nhân thực hiện tội phạm, giúp cho việc đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, từ đó tìm ra những biện pháp tác động tích cực nhằm loại trừ động cơ phạm tội, ngăn cản mục đích tội phạm, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả mà người phạm tội trộm cắp tài sản có thể gây ra cho xã hội.

Động cơ phạm tội là động lực bên trong thúc đẩy hành vi phạm tội của người phạm tội trộm cắp tài sản; Nhu cầu, sở thích, thói quen trong mối liên hệ, tương tác với môi trường xã hội chính là các nền tảng hình thành nên động cơ của người phạm tội.

Mục đích phạm tội là yêu cầu cần đạt được và mong muốn đạt được khi một người thực hiện hành vi phạm tội [5, tr.180]. Theo đó, nhân tố quyết định động cơ phạm tội trộm cắp tài sản chính là do nhu cầu và lợi ích vật chất của người phạm tội. Nhu cầu càng cấp thiết, lợi ích càng nhiều, điều kiện hoàn cảnh càng thuận lợi thì càng hối thúc con người thực hiện tội trộm cắp tài sản và ngược lại.

Tóm lại, nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản bao gồm 3 nhóm đặc điểm cơ bản, mỗi nhóm đặc điểm thể hiện những khía cạnh khác nhau của nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản. Trong đó có những đặc điểm chung của nhân thân người phạm tội và cũng có những điểm riêng của nhân

thân người phạm tội trộm cắp tài sản. Trong thực tiễn tất cả các đặc điểm này sẽ gắn liền với từng cá nhân con người, chúng thường có mối liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau tạo thành một nhân cách xấu của cá nhân người phạm tội, nhân cách này khi được đặt trong một điều kiện hoàn cảnh thuận lợi sẽ dẫn đến việc thực hiện tội trộm cắp tài sản. Nhằm xác định đối tượng nào có khả năng cao thực hiện các tội trộm cắp tài sản thì phải nghiên cứu nhân thân người phạm tội từ đó đề ra các biện pháp phòng ngừa cụ thể hướng tới các đối tượng này.

1.2.3. Các đặc điểm pháp lý - hình sự của người phạm tội trộm cắp tài sản

Các đặc điểm pháp lý hình sự của người phạm tội trộm cắp tài sản bao gồm những đặc điểm của nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản và có ý nghĩa trong việc định tội, định khung và quyết định hình phạt. Các đặc điểm pháp lý hình sự trong nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản bao gồm:

- Phạm tội lần đầu, tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội là nghiên cứu nhân thân của con người đã từng phạm tội một lần. Những người có tiền án, tiền sự thường có kinh nghiệm trong việc thực hiện hành vi phạm tội, nên tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của họ cao hơn nhiều so với người mới phạm tội lần đầu, vì vậy trách nhiệm hình sự mà họ phải chịu cũng phải nặng hơn người mới phạm tội lần đầu. Tiền án, tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm là những dấu hiệu thể hiện xu hướng chống đối xã hội, coi thường pháp luật, sự cố ý xâm phạm lợi ích của nhà nước, của tập thể và của cá nhân... Vì vậy, để nhận thức đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hiểu rõ nguyên nhân phát sinh tội phạm chúng ta cần nghiên cứu các đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Nhà làm luật đã cân nhắc quy định đặc điểm tái phạm nguy hiểm là yếu tố định khung của tội trộm cắp tài sản (Điều c khoản

2 Điều 138 BLHS năm 1999 nay là điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi năm 2017).

- Một số đặc điểm pháp lý hình sự trong nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản như phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng được nhà làm luật cân nhắc quy định là yếu tố định khung (Khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 nay là khoản 2 Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi năm 2017).

Các đặc điểm nêu trên đều cho thấy ý thức phạm tội của người phạm tội. Phạm tội chuyên nghiệp là người phạm tội cố tình thực hiện hành vi phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm (Tại thời điểm phạm tội họ chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xoá án tích) và người phạm tội đều sử dụng các lần phạm tội như một nghề để sinh sống, sử dụng những thứ có được từ việc phạm tội làm nguồn sống chính. Do đó, khi tìm hiểu các đặc điểm này giúp ta nắm bắt được ý thức phạm tội của người phạm tội và nguyên nhân xuất hiện tội phạm, từ đó đưa ra các giải pháp phòng ngừa hữu hiệu.

Nói chung khi tìm hiểu về các đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản phải nắm bắt được bản chất của ba nhóm đặc điểm trên trong mối quan hệ hữu cơ, từ đó giúp cho chúng ta có cái nhìn bao quát, hệ thống về nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản. Từ đó đề ra các giải pháp phòng ngừa tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản đồng bộ, rõ ràng, hợp lý và đạt hiệu quả cao.

1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản

- *Thứ nhất*, để nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí của người phạm tội trong cơ chế hành vi phạm tội, nguyên nhân thúc đẩy một người thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản từ đó định tội danh, định khung và quyết định hình phạt một cách chính xác thì ta cần tìm hiểu đặc điểm nhân thân

người phạm tội trộm cắp tài sản. Trong một vụ án Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ và nhân thân bị cáo để đưa ra những phán quyết đúng người đúng tội. Những bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng...đương nhiên sẽ được Hội đồng xem xét đưa ra hình phạt nhẹ hơn những bị cáo tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

- *Thứ hai*, từng hành vi phạm tội thể hiện thông qua từng con người phạm tội là yếu tố nhỏ nhất cấu thành nên THTP, do đó nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về THTP. Chính cơ cấu của tình hình tội phạm theo các đặc điểm nhân thân sẽ giúp chúng ta đánh giá chính xác về tình hình tội phạm. Ví dụ: Dựa vào cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản theo các đặc điểm nhân thân, như tuổi, giới tính, trình độ học vấn, tiền án tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm... sẽ cho thấy tình hình tội phạm trộm cắp tài sản là rất nghiêm trọng, rất đáng lo ngại hay không.

- *Thứ ba*, Nguyên nhân của tội trộm cắp tài sản thường là lười lao động, thích hưởng thụ, coi trọng vật chất, lối sống gấp, thích thể hiện, thiếu kiểm chế, kiểm soát, thói quen, sở thích lệch lạc như nghiện hút, uống rượu, bia... cộng với sự bất cẩn của nạn nhân... sẽ làm phát sinh tội phạm trộm cắp tài sản. Để hiểu được nguyên nhân của tình hình tội phạm trộm cắp tài sản ta phải tìm hiểu nguyên nhân của hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, và muốn hiểu được nguyên nhân của hành vi ta cần phân tích làm rõ các đặc điểm nhân thân của người phạm tội. Như vậy, nghiên cứu làm rõ các đặc điểm nhân thân sẽ giúp chúng ta làm rõ nguyên nhân của THTP.

- *Thứ tư*, nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản sẽ giúp nâng cao hiệu quả các biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm tội, đảm bảo tốt cho PNTP, giúp cho việc đề ra các giải pháp PNTP một cách hữu hiệu.

Làm rõ đặc điểm nhân thân nào cơ bản, phổ biến trong THTP để có biện pháp, giải pháp phù hợp tập trung làm hạn chế hay loại trừ các nguyên nhân cơ bản, chủ yếu làm phát sinh tội phạm ấy, nhất là chú ý đến tính địa lý học của tội phạm.

1.4. Các yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản

1.4.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

1.4.1.1. Môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của con người, nhân cách của con người được hình thành qua một quá trình giáo dục từ gia đình đến nhà trường và xã hội, trong đó vai trò của gia đình là vô cùng quan trọng vì gia đình là cái nôi văn hóa đầu tiên hình thành nhân cách con người. Mỗi người có quá trình hình thành và phát triển nhân cách khác nhau: nếu sống trong môi trường gia đình hòa thuận, gắn bó, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, có lối sống lành mạnh, văn hóa... thì sẽ hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực đối với mỗi cá nhân; ngược lại, môi trường gia đình khuyết thiếu, quá nuông chiều hay quá nghiêm khắc, thường xuyên đánh, chửi nhau, gia đình có thành viên vi phạm pháp luật, gia đình có kinh tế khó khăn,... sẽ tác động lớn đến việc hình thành nhân cách của trẻ. Nếu không được giáo dục cẩn thận, trẻ em sống trong gia đình có kinh tế khó khăn, sẽ dễ phát sinh tâm lý mặc cảm, buồn chán, tự ti, thất vọng, luôn ham muốn có tiền, ham muốn đòi hỏi, mong muốn nhanh chóng có tiền, mong muốn kiếm tiền bằng mọi giá, kể cả vi phạm pháp luật thoát khỏi đói nghèo...

1.4.1.2. Môi trường giáo dục

Để giáo dục, rèn luyện nhân cách con người thì gia đình là yếu tố quan trọng hàng đầu, nhưng bên cạnh đó vai trò của nhà trường và môi trường giáo

dục cũng có vai trò quan trọng không kém. Con người sẽ được tiếp cận những kiến thức mới, được rèn luyện đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống...khi sống trong môi trường giáo dục tốt, dần dần hình thành một thế hệ trẻ có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp... Nhà trường khi làm tốt nhiệm vụ của mình thì sẽ đào tạo được những thế hệ trẻ tương lai có đủ tài và đức để giúp ích cho đất nước. Ngược lại, càng ngày sẽ xuất hiện nhiều tội phạm trẻ nếu nhà trường không xem trọng nhiệm vụ giáo dục của mình. Các yếu tố tiêu cực từ môi trường giáo dục ảnh hưởng đến hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản bao gồm:

Thứ nhất, nhà trường chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống; Chưa chú trọng giáo dục sự tôn trọng tài sản, tính mạng, coi trọng sở hữu của người khác. Việc xuất hiện đặc điểm nhân thân xấu như coi thường đạo đức, pháp luật, coi thường tài sản, tính mạng của người khác...ở trẻ em sẽ sớm được hình thành nếu không được giáo dục tốt và khi gặp những tình huống thuận lợi, trẻ sẽ lựa chọn cách thức xử sự trái đạo đức, trái pháp luật.

Thứ hai, sự thiếu quan tâm, quản lý sát sao của thầy cô giáo; Sự phối hợp thiếu hiệu quả giữa gia đình và nhà trường, dẫn đến trẻ bỏ học, trốn học, tụ tập bạn bè xấu và nghe theo sự lôi kéo của bạn bè tham gia vào các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, chơi games ... thầy cô giáo thiếu quan tâm, quản lý chưa sát sao; Mỗi liên hệ giữa gia đình và nhà trường quá mờ nhạt, tình trạng trẻ bỏ học, trốn học, tụ tập bạn bè xấu, chơi game, cờ bạc, ma túy ...và để có tiền thỏa mãn các sở thích lệch lạc đó, họ dễ thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

1.4.1.3. Môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội

Tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường hình thành nên những công người có lối sống thích hưởng thụ, lười lao động, mong muốn có tiền

nhanh chóng; một số người yếu kém trong quản lý, giám sát và bảo vệ các thành quả lao động của mình đã làm phát sinh nhiều kẻ hỏ kích thích lòng tham của người khác, làm tăng mong muốn chiếm đoạt tài sản của người khác về làm tài sản của mình. Môi trường xã hội phát triển có nhiều cám dỗ luôn thôi thúc con người tìm mọi cách để làm giàu, có nhiều tiền để sở hữu được những sản phẩm tiên tiến, hiện đại. Một số người không kiềm chế được lòng tham, mong muốn có tiền bằng mọi giá đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Xã hội phát triển, nếu không quản lý tốt thì kéo theo là sự gia tăng của các tệ nạn xã hội, như rượu chè, cờ bạc, nghiện games, mại dâm, ma túy...rất nhiều người với nhiều lí do khác nhau đã sa vào các tệ nạn xã hội này. Khi đó, để có tiền thỏa mãn các nhu cầu này, nhiều người đã không ngần ngại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

1.4.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội trộm cắp tài sản

Mức độ thông minh của mỗi cá nhân cụ thể sẽ có sự khác nhau, điều này phụ thuộc về độ tuổi, trình độ học vấn, giới tính, yếu tố di truyền, môi trường sống. Người có trình độ học vấn cao, hiểu biết tốt thì sẽ có khả năng phân tích, đánh giá các yếu tố của môi trường sống một cách chính xác, từ đó tiếp thu các yếu tố tích cực và loại bỏ các yếu tố tiêu cực. Phần lớn người phạm tội trộm cắp tài sản có trình độ học vấn thấp do đó khả năng nhận biết, đánh giá và phân tích các tình huống xảy ra rất hạn chế, cộng thêm sự lười biếng, háms lợi, lòng tham, mong muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động và để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân mà các đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

Sở thích là những hoạt động thường xuyên hoặc thói quen đem lại cho con người niềm vui, sự phấn khởi trong cuộc sống; Nhu cầu là những đòi hỏi của bản thân cần được đáp ứng. Nếu cá nhân có những nhu cầu, sở thích lành

mạnh như đọc sách, xem băng đĩa, vui chơi lành mạnh thì hình thành ở người đó nhân cách đúng đắn. Ngược lại, cá nhân có nhu cầu, sở thích không lành mạnh, tiêu cực như tụ tập ăn chơi, ăn diện, rượu chè, ma túy,... sẽ hình thành ở cá nhân đó nhân cách lệch lạc như sống thực dụng, coi trọng vật chất, hưởng thụ, sống nhanh, sống gấp, sống buông thả, không có hoài bão, không có định hướng, coi thường chuẩn mực đạo đức,... Khi đó, để thỏa mãn nhu cầu, sở thích, thói quen thiếu lành mạnh của bản thân, họ sẵn sàng lựa chọn cách xử sự không đúng đắn, là thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của người khác.

Tiểu kết Chương 1

Trong Chương 1, tác giả tập trung làm rõ khái quát lý luận về nhân thân người phạm tội, đã làm rõ khái niệm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản là tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu thể hiện bản chất xã hội của con người và các đặc điểm, dấu hiệu này trong sự kết hợp với các điều kiện, hoàn cảnh nhất định đã dẫn đến người đó thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999 (Nay là Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi 2017). Bên cạnh đó, tác giả cũng đã làm rõ bốn ý nghĩa trọng yếu của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản, đó là giúp các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đúng đắn các biện pháp trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, nhận thức rõ nét về THTP, nguyên nhân của THTP và giúp nâng cao hiệu quả các biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm tội, bảo đảm tốt phòng ngừa tội phạm.

Tác giả cũng đã làm rõ các đặc điểm và dấu hiệu của nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản, bao gồm ba nhóm: Nhóm thứ nhất là bao gồm các dấu hiệu xã hội nhân khẩu như độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình; Nhóm thứ hai là dấu hiệu về đạo đức - tâm sinh lý như quan điểm, thái độ, nhận thức đối với giá trị đạo đức, xã hội, nhu cầu

sở thích, thói quen lệch lạc và động cơ mục đích phạm tội; Nhóm thứ ba là các đặc điểm pháp lý hình sự như phạm tội lần đầu, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, đặc điểm pháp lý hình sự trong nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản.

Khi nghiên cứu các đặc điểm nhân thân của người phạm tội trộm cắp tài sản, tác giả đã phân tích làm rõ các yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội này, bao gồm hai nhóm yếu tố: Nhóm thứ nhất là các yếu tố thuộc môi trường sống như: Môi trường gia đình, môi trường giáo dục, môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhóm thứ hai là các khía cạnh thuộc chủ quan con người, đó là sự thông minh, trí tuệ của con người, giúp con người chọn lọc những tác động tích cực từ thế giới khách quan, hạn chế và loại bỏ những sở thích, thói quen xấu; Ý thức, thái độ đối với các chuẩn mực xã hội, giá trị đạo đức tác động đến khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi của con người và cuối cùng là hiểu biết pháp luật và ý thức pháp luật của con người.

Kết quả ở chương 1 sẽ là nền tảng để nghiên cứu về thực tiễn nhân thân người phạm tội và nguyên nhân hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Chương 2

THỰC TIỄN NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

2.1. Khái quát tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý-hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất các tội phạm thực hiện trong một xã hội nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định [37, tr.61].

Để có cơ sở nghiên cứu tình hình tội trộm cắp tài sản và thực tiễn nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ 2013-2017, tác giả thông qua 100 bản án với 165 bị cáo được thu thập ngẫu nhiên trong số 2.785 vụ án với 4.212 bị cáo đã được TAND hai cấp tỉnh Bình Dương xét xử.

2.1.1. Thực trạng của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Thực trạng của tình hình tội phạm là tổng hợp các số liệu về số vụ phạm tội đã xảy ra, số lượng người thực hiện các tội đó và thông số về nạn nhân trên một địa bàn nhất định và khoảng thời gian nhất định [37, tr.61].

Thực trạng của tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2103-2017 là tổng hợp số lượng các vụ án đã xảy ra và số lượng người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong thời gian nêu trên.

Bảng 2.1 cho thấy, từ năm 2013-2017, TAND hai cấp tỉnh Bình Dương đã xét xử là 9.756 vụ với 18.832 bị cáo, trong đó có 2.785 vụ, chiếm 28,54% với 4.212 bị cáo bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, chiếm 22,36%. Như vậy, số lượng các vụ án trộm cắp tài sản được xét xử chiếm tỷ lệ cao so với số lượng

án nói chung đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương, là loại tội phổ biến, gây hoang mang và lo lắng cho quần chúng nhân dân.

Bảng 2.2 cho thấy, trong số các tội xâm phạm sở hữu quy định tại chương XIV của BLHS năm 1999 (Nay là chương XVI của BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017) thì tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao nhất với 63,02% số vụ án và 59,64% số bị cáo.

Đây là số liệu đã được phát hiện và xử lý. Trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn còn tồn tại lượng tội trộm cắp tài sản chưa được phát hiện và xử lý, đây chính là phần ẩn của tình hình tội trên. Tuy nhiên, trong phạm vi luận văn này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản đã được phát hiện và xử lý qua công tác xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương (Tội phạm rõ).

2.1.2. Diễn biến của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Diễn biến của tình hình tội phạm là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình tội phạm trong khoảng thời gian nhất định (Một năm, ba năm, năm năm, mười năm...) [27, tr. 64].

Diễn biến của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương là sự vận động và thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong khoảng thời gian từ năm 2013-2017.

Bảng 2.1 cũng cho thấy số vụ án và số người phạm tội trộm cắp tài sản của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương đã xét xử trong giai đoạn 2013-2017, có sự tăng giảm không đồng đều. Nhiều nhất là năm 2014 với 663 vụ 1040 bị cáo. Trung bình hàng năm trên địa bàn tỉnh xảy ra 557 với 842,4 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản. Nếu lấy tổng số 519 vụ án đã xét xử trong năm 2013 là gốc và tương đương với tỷ lệ là 100% thì ta có kết quả như sau:

Năm 2014, số lượng vụ án đã xét xử tăng 27,74% số vụ và tăng 19,40% số bị cáo;

Năm 2015 tăng ít hơn năm 2014 là 20,42% số vụ và tăng 7% số bị cáo;

Năm 2016 tiếp tục tăng nhưng với tốc độ ít hơn 0,77% số vụ, tuy nhiên số bị cáo đã giảm so với các năm trước 12,51%;

Năm 2017 số lượng vụ án đã xét xử giảm 12,33% số vụ và giảm 30,31% số bị cáo.

Như vậy, qua 05 năm, TAND hai cấp xét xử có sự biến động tăng giảm theo từng năm, nhưng nhìn chung từ năm 2013 đến năm 2017 có sự giảm 12,33% số vụ án và giảm 30,31% số bị cáo phạm tội này.

2.1.3. Cơ cấu chung của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Cơ cấu của THTP là tỷ trọng và mối tương quan của các loại tội phạm khác nhau trong số lượng chung của chúng trong khoảng thời gian nhất định và ở một địa bàn nhất định [38, tr. 65].

2.1.3.1. Cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản theo đặc điểm thời gian, địa điểm gây án

- *Về thời gian gây án:* Bảng 2.15 cho thấy, từ 1 đến 6 giờ là 44 vụ, chiếm 39%; Từ 7 đến 12 giờ là 26 vụ, chiếm 23%; Từ 13-18 giờ là 21 vụ, chiếm 18%; Từ 19-24 giờ là 23 vụ, chiếm 20%. Như vậy, thời gian gây án của các bị cáo trong các vụ án trộm cắp tài sản xảy ra nhiều nhất vào khoảng thời gian sau 1 giờ đến 6 giờ. Đây là thời gian mọi người đang chìm vào giấc ngủ say sau một ngày làm việc vất vả, mệt mỏi. Tạo điều kiện thuận lợi để tội phạm thực hiện hành vi của mình mà không bị chủ thể phát hiện.

- *Về địa điểm gây án:* Thường là những nơi công cộng như bến xe, chợ...thể hiện tại bảng 2.16 là 37 vụ, chiếm 22%; Các tụ điểm kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải trí là 34 vụ, chiếm 21%; Tại nơi ở của bị cáo hoặc nạn

nhân là 94 vụ, chiếm 57%. Như vậy, đa số các vụ án xảy ra gần nơi ở của bị cáo hoặc nạn nhân, là nơi mà tội phạm dễ dàng quan sát, thăm dò, nắm tình hình sơ hở, thiếu sót của nạn nhân trong công tác bảo vệ tài sản, tìm hiểu các thiết bị, phương tiện bảo vệ (Tường rào, khóa cửa, thiết bị báo động...), thông thạo đường đi lối lại, am hiểu lối sống sinh hoạt của nạn nhân. Ngoài ra, địa bàn mà người phạm tội trộm cắp tài sản thường chú ý để gây án là những nơi tập trung nhiều tiền bạc, vật tư, hàng hóa...của tập thể, cá nhân, những nơi vắng vẻ, nơi ban đêm thiếu ánh sáng, ban ngày ít người qua lại...

2.1.3.2. Cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản theo đặc điểm về phương thức, thủ đoạn, công cụ, phương tiện gây án

- Về *phương thức, thủ đoạn gây án*: Trước khi gây án người phạm tội thường tiếp cận hiện trường để nắm tình hình, điều kiện, những sơ hở, thiếu sót mất cảnh giác trong công tác quản lý, bảo vệ tài sản để trộm cắp. Những hộ gia đình đối tượng nhắm đến là những hộ gia đình thường xuyên vắng nhà không người trông coi, hộ gia đình biệt lập không quan hệ với bà con xung quanh, hộ không trang bị hệ thống chống trộm... Hướng đột nhập thường là cổng chính, cổng sau, cửa sổ, cửa lầu, ô thông gió...

Bảng 2.10 cho thấy, có 27 vụ có đồng phạm, chiếm 27% và 73 vụ thực hiện đơn lẻ, chiếm 73%. Có thể thấy người phạm tội thường đơn phương thực hiện tội phạm là tính nổi bật của loại tội này. Tuy nhiên, hiện nay người phạm tội trộm cắp tài sản có xu hướng liên kết với nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Tội phạm trộm cắp có phương thức thủ đoạn nguy hiểm, có tính chất chuyên nghiệp ngày càng xuất hiện nhiều như thời gian qua. Những đối tượng này thường rất tinh quái trong việc lựa chọn nơi trộm tài sản, thủ đoạn trộm cũng như việc che dấu dấu vết phạm tội. Ví dụ, thủ đoạn chủ yếu của tội phạm trộm cắp xe máy là lợi dụng sơ hở của người quản lý xe máy không có

người trông coi, chúng thường dùng vạm hoặc chìa khóa vạn năng để bẻ, phá khóa cổ, khóa còng, khóa chữ U... và khóa điện xe máy để trộm cắp. Hoặc lang thang vào các ngõ nhỏ vào khoảng thời gian từ 03h–05h sáng hàng ngày sau đó dùng xà cây, kìm cộng lực, hoặc các vật dụng khác phá khóa cửa nhà chính đột nhập vào trộm cắp xe máy, tài sản khác của gia đình để tại tầng một.

- Về công cụ, phương tiện gây án:

Bảng 2.11 cho thấy, có 60 vụ sử dụng hung khí nguy hiểm, chiếm 52,63%, như: Dao, búa, xà beng, xà cây, kìm cộng lực, thủy lực...; 20 vụ sử dụng hung khí thô sơ như đèn pin, mỏ lết, tước nơ vít, đèn khò..., chiếm 17,54%; 04 vụ sử dụng hóa chất gây thương tích, chiếm 4%; 30 vụ do sử dụng công cụ khác, chiếm 26,31%. Qua thông số trên ta có thể thấy người phạm tội thường sử dụng hung khí nguy hiểm làm phương tiện phạm tội trong các vụ án trộm cắp tài sản. Điều này thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, tính chất manh động, và tính tổ chức trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các đối tượng.

2.1.3.3. Cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản theo đặc điểm mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội

Bảng 2.14 cho thấy, có 13 bị cáo có quen biết với nạn nhân, chiếm 7,87%; 23 bị cáo có quen biết không có ý định phạm tội nhưng do bị người khác rủ rê, lôi kéo phạm tội, chiếm 13,94%; 129 bị cáo không quen biết với nạn nhân, chiếm 78,18%. Như vậy, phần lớn nạn nhân và người phạm tội không quen biết nhau. Tuy nhiên, hiện nay trong nhiều vụ trộm cắp tài sản, thì nạn nhân và đối tượng gây án lại là người quen, thân và thậm chí sống chung trong một nhà. Bởi đa số bị hại đều nghĩ rằng, trộm cắp chỉ có thể là người ngoài chứ không người thân nào lại có thể làm chuyện đó. Chính vì thế các bị hại thường không cảnh giác, đề phòng dẫn đến việc chủ quan, tạo cơ

hội cho kẻ gian ra tay trộm cắp. Để bảo vệ tài sản của mình, mỗi chúng ta nên tập cho mình thói quen không nên hờ hênh, tạo điều kiện để người khác trôi dạt lòng tham.

2.1.3.4. Cơ cấu tình hình tội phạm trộm cắp tài sản theo đặc điểm chế tài áp dụng

Bảng 2.18 cho thấy, hình phạt dưới 03 năm tù có tỷ lệ cao nhất là 98 bị cáo, chiếm 59%; Phạt cảnh cáo, phạt tiền là 39 bị cáo, chiếm 24%; Hình phạt từ 02 năm đến dưới 07 năm là 11 bị cáo, chiếm 7%; Từ 07 năm tù đến dưới 15 năm là 8 bị cáo, chiếm 5%; Án treo, cải tạo không giam giữ là 9 bị cáo, chiếm 5%. Các chế tài áp dụng nhìn chung tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Như vậy, hình phạt tù thường là hình phạt chính được Tòa án áp dụng khi xét xử.

2.2. Cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo các đặc điểm nhân thân người phạm tội

2.2.1. Nhóm dấu hiệu xã hội – nhân khẩu

2.2.1.1. Đặc điểm về độ tuổi

Có 09 bị cáo dưới 18 tuổi, chiếm 5,45%; 77 bị cáo từ 18 đến dưới 30 tuổi, chiếm 46,66%; Có 57 bị cáo, chiếm 34,54% từ 30 đến dưới 45 tuổi; Và có 22 bị cáo từ 45 tuổi trở lên, chiếm 13,33% (Bảng 2.3). Như vậy, số bị cáo từ 18 đến dưới 30 tuổi phạm tội trộm cắp tài sản có số lượng chiếm đa số. Con người từ 18 đến dưới 30 tuổi có sức khỏe rất tốt, nhanh nhẹn nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm sống, chưa chín chắn trong suy nghĩ và hành động, đa số chưa đạt nhiều thành công trong sự nghiệp nên với những đặc điểm nhân thân xấu như lười lao động, thích hưởng thụ, coi trọng vật chất, lối sống gấp, nghiện ma túy, cờ bạc, rượu chè... sẽ rất dễ bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực từ môi trường xung quanh và nhanh chóng thực hiện những hành vi phạm tội.

2.2.1.2. Đặc điểm về giới tính: Bảng 2.3 cũng cho thấy, số bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong giai đoạn nghiên cứu hầu hết là nam giới, với 126 bị cáo, chiếm 76,36%; Chỉ có 39 bị cáo là nữ giới, chiếm 23,63%.

2.2.1.3. Đặc điểm về trình độ học vấn: Bảng 2.4 cho thấy, có 15

Số lượng bị cáo không biết chữ là 15, chiếm 9 %; Bị cáo có trình độ học vấn từ tiểu học đến trung học cơ sở là 120, chiếm 73%; Bị cáo có trình độ trung học phổ thông là 24, chiếm 15% và bị cáo có trình độ cao đẳng, đại học là 06, chiếm 3,63%. Như vậy, đa số bị cáo có trình độ học vấn thấp, thường có trình độ từ trung học cơ sở trở xuống.

2.2.1.4. Đặc điểm về nghề nghiệp, địa vị xã hội: Bảng 2.5 cho thấy, số bị cáo không có nghề nghiệp phạm tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao nhất là 47,27% với 78 bị cáo; Cao thứ hai là 62 bị cáo thuộc nghề nghiệp khác (Phụ trách tôn giáo, bảo vệ, sửa xe, lái xe, bán vé số, tiếp viên...), chiếm 37,57%; 41 bị cáo làm thuê, phụ hồ, thợ xây, thợ sơn, chiếm 24,84%; 15 bị cáo là công nhân thuộc các khu công nghiệp, công ty cao su..., chiếm 9,09%; 01 bị cáo làm rẫy, làm vườn, chiếm 0,60%. Có thể thấy số lượng các bị cáo có nghề nghiệp không ổn định, lao động chân tay hoặc không có nghề nghiệp phạm loại tội này chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều các bị cáo có nghề nghiệp ổn định. Số lượng bị cáo không có địa vị xã hội là 163/165 bị cáo, chiếm 98.78%, chỉ có 02 bị cáo có địa vị xã hội, chiếm 1,21%.

2.2.1.5. Đặc điểm về hoàn cảnh gia đình: Bảng 2.6 cho thấy, số bị cáo có hoàn cảnh gia đình có phương pháp giáo dục không phù hợp là 26 bị cáo, chiếm 15,75%; Gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thiếu quan tâm, chăm sóc, giáo dục con cái là 44 bị cáo, chiếm 26,66%; Gia đình có người thân vi phạm pháp luật là 15 bị cáo, chiếm 9,09%; Gia đình có người thân có thói

quen, sở thích lệch lạc như thường xuyên uống rượu, bia, nghiện ma túy...là 80 bị cáo, chiếm 48,48%.

2.2.2. Nhóm dấu hiệu đạo đức - tâm lý

2.2.2.1. Nhu cầu, thói quen, sở thích lệch lạc: Bảng 2.19 cho thấy: Xuất phát từ những thói quen, sở thích lệch lạc như: Thích hưởng thụ, lười lao động là 100 bị cáo, chiếm 60%; Thích khoe tài sản, coi trọng vật chất là 30 bị cáo, chiếm 18%; Tụ tập đàn đúm, ăn chơi quậy phá là 35 bị cáo, chiếm 22%.

2.2.2.2. Động cơ, mục đích phạm tội: Bảng 2.12 cho thấy, động cơ, mục đích dẫn đến hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương phần lớn là do vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu. Với 154 bị cáo, chiếm tỷ lệ 93,33% đã thể hiện rõ mục đích vụ lợi của người phạm tội; Thích thể hiện là 3 vụ, chiếm 1,82%; Thỏa mãn nhu cầu cá nhân: Bia, rượu, ma túy, game... là 4 vụ, chiếm 2,42%; Động cơ, mục đích khác (Cay cú, trả thù...) là 4 vụ, chiếm 2,42%.

2.2.2.3. Về thái độ khai báo: Bảng 2.13 cho thấy đa số bị cáo đều có thái độ hợp tác khi giải quyết vụ án. Có 164 bị cáo thành khẩn khai báo, chiếm 99%, và chỉ có 01 bị cáo không thành khẩn khai báo, chiếm tỷ lệ 1%.

2.2.3. Nhóm dấu hiệu pháp lý - hình sự

Bị cáo có tiền sự là 14 bị cáo, chiếm 8%; Chiếm 19% bị cáo có tiền án, còn lại 72% là bị cáo không có tiền án, tiền sự. Như vậy, số bị cáo có tiền án, tiền sự phạm tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ không cao, đa số đều phạm tội lần đầu. Tuy nhiên, sau khi chấp hành án xong án khả năng tái phạm tội sẽ rất cao, nếu không có những giải pháp kịp thời và phù hợp để các bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

2.3. Thực tiễn những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản tại Bình Dương

2.3.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

2.3.1.1. Môi trường gia đình

- *Gia đình có người thân có thói quen, sở thích lệch lạc*: Bảng 2.6 cho kết quả như sau: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình có người thân có thói quen, sở thích lệch lạc như: Thích hưởng thụ, lười lao động, thích thể hiện, thường xuyên uống rượu, bia, sử dụng ma túy, nghiện game và các chất kích thích khác...chiếm tỷ lệ 48,48%. Điều này cho thấy hoàn cảnh gia đình có người thân có thói quen, sở thích xấu sẽ ảnh hưởng đáng kể đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản. Khi hằng ngày phải sống chung với những người có thói quen, sở thích lệch lạc như trên thì việc ảnh hưởng là một điều tất yếu. Ông bà ta có câu “Gần mực thì đen gần đèn thì sáng” thể hiện rõ sự ảnh hưởng của môi trường xung quanh đến việc hình thành nhân cách của một con người.

Bản án số 35/2016/HSST ngày 18/8/2016 của TAND thị xã Thuận An xét xử Hồ Minh Ngọc về tội trộm cắp tài sản. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, thấy rằng: Do sống cùng cha ruột là ông Hồ Thiện Minh là người hay trộm cắp vặt tài sản của hàng xóm; Hay nhậu nhẹt, lười lao động... hằng ngày Ngọc phải chứng kiến cảnh hàng xóm bắt quả tang ông Minh trộm tài sản, chửi bới ông... nhưng ông Minh vẫn chứng nào tật nấy. Không những thế ông còn hướng dẫn và xúi giục con trai mình qua nhà hàng xóm trộm con gà, quả trứng... Trong cuộc sống gia đình ông Minh thường có những lời nói và hành xử không đúng mực với vợ, nên Ngọc rất xem thường cha, không nghe theo sự dạy bảo của cha, tính cách lì lợm, bất cần, tham lam, tư lợi, coi thường đạo đức, coi thường pháp luật, thường tìm mọi cách trộm cắp tài sản của người khác để lấy tiền phục vụ nhu cầu cá nhân của mình. Ngày 23/11/2015, sau khi

uống rượu thì Ngọc đón xe buýt từ bến xe Bình Dương lên huyện Phú Giáo với mục đích nhìn thấy ai để xe máy sơ hở thì vào lấy, bán lấy tiền tiêu xài. Như vậy, chính những đặc điểm nhân thân xấu của người cha (ông Minh) đã hàng ngày, hàng giờ tác động đến Ngọc để hình thành nhiều đặc điểm nhân thân xấu, như lười lao động, ham chơi bời, ham nhậu nhẹt, coi thường các giá trị đạo đức, coi thường pháp luật, coi thường sở hữu tài sản của người khác, từ đó, khi có điều kiện, Ngọc sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

Tại Bản án số 162/2013/HSST ngày 15/8/2013 của TAND thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử Lục Đức Vượng, sinh năm 1990 về tội trộm cắp tài sản. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, thấy rằng: Vượng sống chung với cha đã từng có hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích. Anh trai đi tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Do đó, Vượng chịu tác động rất lớn bởi những đặc điểm nhân thân xấu của những người thân trong gia đình. Bản thân Vượng dần hình thành nhiều đặc điểm nhân thân xấu, như sự tự ti, chán nản về hoàn cảnh gia đình mình, hình thành tính cách lì lợm, bất cần, buồn chán, bẻ tắc, từ đó Vượng tìm đến ma túy để xua tan nỗi buồn chán. Ở Vượng cũng dần hình thành sự coi thường cha, anh, coi thường các giá trị đạo đức, coi thường pháp luật, coi thường sở hữu của người khác. Từ đó, để có tiền phục phụ các nhu cầu, sở thích sai lệch của mình mà Vượng dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp chiếc xe đạp điện của Đoàn Minh Nhựt.

Như vậy, việc phải sống cùng với những người có sở thích lệch lạc, đã từng phạm tội, có nhiều đặc điểm nhân thân xấu...làm cho con em trong gia đình họ cũng dễ hình thành nhiều đặc điểm nhân thân tiêu cực (nhân thân xấu) và khi xuất hiện điều kiện thuận lợi, sẽ dễ thực hiện hành vi phạm tội.

- Gia đình kinh tế khó khăn, không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con cái: Có 44 bị cáo, chiếm 26,66% sinh sống trong các gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Điều này cho thấy hoàn cảnh kinh tế khó khăn có ảnh hưởng đáng kể đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân xấu của người phạm tội trộm cắp tài sản. Hoàn cảnh kinh tế khó khăn cha mẹ phải làm việc vất vả, và thường không có thời gian quan tâm chăm sóc con cái. Vì thế, họ đã đẩy trách nhiệm đó cho nhà trường và xã hội. Khi hoàn cảnh gia đình quá khó khăn trẻ sẽ cảm thấy thiếu thốn không bằng bạn bằng bè, cha mẹ lại không quan tâm giáo dục kịp thời trẻ dễ hình thành những tính cách xấu như tự ti, mặc cảm, ích kỷ, tham lam, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân, và tìm mọi cách để thỏa mãn nhu cầu vật chất cho dù phải phạm tội.

Tại bản án số 405/2015/HSST ngày 09/12/2015 xét xử Nguyễn Trung Tín, sinh ngày 05/02/1998 về tội trộm cắp tài sản, tuyên phạt 06 tháng tù. Nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy Nguyễn Trung Tín sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cha mất sớm. Bị cáo sống với mẹ và các em, mẹ bị cáo phải làm vất vả để nuôi các con, nên không có thời gian để chăm sóc bị cáo. Từ đó Tín dần hình thành các đặc điểm nhân thân xấu như luôn cảm thấy bất công, chán nản, thiếu niềm vui trong gia đình, cảm thấy bị quan, thiếu động lực trong học tập, dẫn đến lười học, ham chơi. Dần dần Tín đi theo đám bạn xấu bỏ học tụ tập chơi game, đua đòi ăn chơi. Để có tiền ăn chơi thì ngày 13/6/2015 Nguyễn Trung Tín đi đến phòng trọ của bà Đào Thị Hậu tại Lô 3, khu phố Bình Hòa, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương trộm 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen đang cầm sạc.

Vụ án Trần Lê Sơn Tân, Trần Lê Sơn Tiến phạm tội trộm cắp tài sản là 01 máy tính xách tay hiệu Gateway Motorola ML 3080, 01 điện thoại hiệu Iphone 4, 08 thẻ cào Vietnammobile giá mỗi cái 20.000 đồng và 2.470.000 đồng tiền mặt của ông Hồ Thanh Huỳnh và bà Cao Thị Hồng Tươi tại địa chỉ

133/3 khu phố 2, phường An Phú, thị xã Thuận An. (Bản án số 263/2015/HSST ngày 12/8/2015 của TAND thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương). Nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy, Tân và Tiến là hai anh em ruột, bố mẹ nghèo khó nên hai anh em không được đi học. Do bố mẹ đầu tắt mặt tối kiếm tiền không đủ ăn nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ cho Tân, Sơn. Gia cảnh nghèo khó đã tác động hình thành trong hai anh em Tân và Sơn rất nhiều đặc điểm nhân thân tiêu cực, như luôn cảm thấy buồn chán, thất vọng, luôn oán trách số phận, oán trách cha mẹ, luôn cảm thấy cuộc sống bất công, căm giận cuộc đời. Chán cảnh gia đình nghèo khó, hai anh em bỏ nhà đi lang thang kiếm sống. Không biết chữ, không nghề nghiệp nên Sơn, Tân chỉ đi làm thuê việc vặt, thu nhập thấp, cuộc sống tạm bợ, nên những đặc điểm nhân thân xấu ngày càng hình thành nhiều ở Sơn và Tân. Bế tắc trong cuộc sống, cả hai anh em đều vướng vào ma túy. Để có tiền thỏa mãn nhu cầu ma túy của mình, nên hai anh em đã rủ nhau đi trộm tài sản.

Các vụ án trên cho thấy, sống trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nếu không có động lực vươn lên trong cuộc sống thì con người rất dễ rơi vào tình trạng bi quan, chán nản, thất vọng, căm giận, oán trách cuộc đời, mất hết động cơ sống, một số người lao vào cờ bạc, rượu chè, ma túy, từ đó luôn khát khao có tiền, có tài sản một cách nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu của mình, họ sẵn sàng coi thường các giá trị đạo đức, coi thường pháp luật, coi thường trật tự xã hội, dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

2.3.1.2. Môi trường giáo dục

Việc hình thành và phát triển nhân cách của con người chịu ảnh hưởng sâu sắc của môi trường giáo dục trong nhà trường. Bảng 2.3 cho thấy: 91% số người phạm tội là từ 18 tuổi trở lên và gần 85% số người phạm tội có trình độ trung học cơ sở và mù chữ. Như vậy, đa số người phạm tội trộm cắp tài sản

đều là người đã bỏ học. Bảng 2.4 cho thấy bị cáo đang là học sinh, sinh viên là 06 chiếm tỷ lệ 3,63%.

Bản án số 62/2014/ HSST ngày 05/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử Phạm Hoàng Long về hành vi trộm cắp tài sản. Nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng: Tuy mới học đến lớp 10 nhưng Long đã là học sinh cá biệt của trường trung học phổ thông Chu Văn An, thường xuyên ăn cắp dụng cụ học tập, tiền... của bạn, và có thành tích học tập yếu. Giáo viên nhiều lần nhắc nhở, trì chiết, miệt thị về hành vi trộm đồ của Long trước lớp học. Vì xấu hổ với bạn bè Long bỏ học và trở nên lì lợm, bất cần, hỗn láo. Dù đã bỏ học nhưng hằng ngày Long vẫn nói dối gia đình đi học nhưng thực tế là tụ tập bạn bè xấu hút thuốc, chơi game. Nhà trường chưa có biện pháp uốn nắn, giáo dục phù hợp và cũng như chưa trang bị đầy đủ cho Long những kỹ năng sống, hệ lụy của việc trộm cắp tài sản, nếu trộm tài sản có giá trị sẽ bị xử lý về hình sự. Ngoài ra, nhà trường cũng không phối hợp với gia đình trong việc phản ánh kết quả học tập, đạo đức của Long để cùng giáo dục, uốn nắn dẫn đến Long thường xuyên trốn học, chơi games. Cụ thể, trong lúc túng thiếu tiền chơi game, Long đã thực hiện hành vi trộm cắp ví tiền của anh Hùng là người ngồi chơi game cạnh Long. Trong ví có khoảng 2.000.000 đồng. Hậu quả hành vi trộm cắp tài sản của Long đối với anh Hùng là nghiêm trọng, thể hiện sự tham lam, tư lợi, xâm phạm tài sản của người khác, xem thường pháp luật của Long.

Bản án số 01/2014/HSST ngày 02/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử Lô Tất Phúc, sinh năm 1996 về hành vi trộm cắp tài sản. Nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng: Phúc bỏ học từ lớp 6, lêu lổng, chơi bời, tụ tập với đám bạn xấu, hút thuốc, nghiện games, lười lao động. Ngày 11/6/2013, Phúc đã từng bị xử phạt số tiền 375.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Để có tiền chơi game, hút ma túy

ngày 25/7/2013 Phúc đã trộm 01 cái máy tính xách tay và 01 điện thoại di động của chị Phạm Thị Thủy.

Những vụ án trên phần nào cho thấy vai trò, tầm quan trọng của việc giáo dục con người. Nếu không được giáo dục kịp thời, hiệu quả sẽ dễ dẫn đến tâm lí bi quan, chán nản, bất tuân lời cô, thầy, cha, mẹ, ông, bà, từ đó dễ chơi với đám bạn xấu hoặc bị đám bạn xấu rủ rê lôi kéo, dễ nhiễm các thói hư tật xấu, như lười lao động, thích hưởng thụ, nghiện games, nghiện thuốc lá, nghiện ma túy, từ đó dễ dẫn đến con đường phạm tội trộm cắp tài sản để có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân.

2.3.1.3. Môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội

Bình Dương là một trong các tỉnh đi đầu trong công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Với khoảng 17.266 doanh nghiệp trong nước đăng ký hoạt động và khoảng 2.367 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cùng với việc thu hút đầu tư, Bình Dương cũng đã thu hút số lượng lớn lao động phổ thông, lao động trình độ từ các tỉnh khác đến đây lập nghiệp. Điều này đã góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, người dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, sự gia tăng đột biến số lượng công nhân nhập cư đã dẫn đến tình hình an ninh, trật tự tại các khu, cụm công nghiệp diễn biến phức tạp, với sự có mặt của hầu hết các loại tội phạm, tập trung nhiều đối tượng hình sự, băng nhóm tội phạm hoạt động có tổ chức, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm xuyên quốc gia... gây ảnh hưởng và tác động xấu đến công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương. Nghiên cứu cho thấy một số tác động rõ nét của môi trường kinh tế - xã hội vĩ mô có tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực của những người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương sau đây.

- Thu nhập của người lao động quá thấp, không đủ chi tiêu trong sống

Trong tổng số người phạm tội trộm cắp tài sản, có 62 bị cáo thuộc nghề nghiệp có thu nhập thấp, như bảo vệ, sửa xe, lái xe, bán vé số, tiếp viên... chiếm tỷ lệ 37,57%; 41 bị cáo làm thuê, phụ hồ, thợ xây, thợ sơn, chiếm 24,84% và 15 bị cáo là công nhân thuộc các khu công nghiệp, công ty cao su..., chiếm 9,09% tổng số bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản ở Bình Dương. Đa số những người này là những người có thu nhập thấp hoặc rất thấp dẫn đến khó khăn, thiếu thốn về kinh tế và từ đó dẫn đến việc phát sinh tội phạm.

Diễn hình là Bản án số 123/2015/HSST ngày 08/8/2015 của TAND thành phố Thủ Dầu Một xét xử bị cáo Võ Khắc Tuấn về hành vi trộm cắp tài sản của ông Mai Đức Trung. Nghiên cứu vụ án thấy rằng: Tuấn tốt nghiệp đại học sau đó xin việc làm nhiều nơi nhưng vẫn bị từ chối do kết quả học thấp, không có kinh nghiệm. Chán nản Tuấn lao vào cờ bạc, rượu chè và nợ nần chồng chất. Trong lúc túng thiếu và để có tiền tiêu xài nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân Tuấn đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Trung là người cùng dãy nhà trọ. Nhân lúc anh Trung đang nằm ngủ trên giường, bên cạnh để 01 chiếc laptop, hiệu Apple và 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Iphone đang sạc pin nên Tuấn bước đến lấy bỏ vào trong balo đã chuẩn bị sẵn rồi đem đi bán lấy tiền tiêu xài.

Bản án số 71/2017/HS-ST ngày 20/12/2017 của TAND huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương xét xử bị cáo Đoàn Quang Kiên và Nguyễn Thị Dung về hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Thành Lâm. Nghiên cứu vụ án thấy rằng: Đoàn Quang Kiên, sinh năm 1976, nghề nghiệp tài xế và Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1978, nghề nghiệp không. Do đồng lương quá thấp nên Kiên và Dung thường xuyên rơi vào tình trạng không có tiền tiêu. Bản thân Kiên lại nghiện ma túy; Dung thì lười lao động nên rủ rê nhau cùng đi trộm cắp tài sản. Ngày 08/5/2017, Dung chở Kiên đi đến khu vực ấp Yên Ngựa, xã Định

Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thì thấy bên lề đường có dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha của Nguyễn Thành Lâm không người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô nói trên để bán lấy tiền tiêu xài. Có thể thấy, một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hành vi phạm tội của Kiển và Dung là do mức lương thấp, cộng với tâm lí thích chơi bời, tụ tập, nghiện hút, nên cả hai đã sẵn sàng coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, và thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

- Mức độ chênh lệch giàu nghèo ngày càng gia tăng

Một trong những mặt trái của kinh tế thị trường in đậm dấu ấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương những năm gần đây là sự chênh lệch về mức sống vật chất và sự phân hóa giàu nghèo đang ngày càng gia tăng rõ rệt. Bên cạnh phần đầu trở thành tỉnh có kinh tế phát triển rất nhanh chóng, xuất hiện nhiều người giàu thì cùng với đó, cũng có khá nhiều người có thu nhập không đủ sống, nhất là những người nhập cư vào địa bàn tỉnh làm ăn sinh sống. Những người từ các nơi khác đến tỉnh Bình Dương làm ăn, sinh sống đa phần đều là người nghèo. Vì vậy, nhiều người trong số họ do kinh tế quá khó khăn, một số lại lười lao động, làm ăn thất bại, nghiện ngập... trở nên nghèo đói, không kiếm được việc làm, hoặc việc làm bấp bênh, từ đó làm phát sinh hành vi phạm tội.

Lê Quốc Việt, sinh năm 1990 tại Cà Mau, đến tỉnh Bình Dương sinh sống, nhưng do không biết chữ, không biết nghề nên không tìm được việc làm. Cuộc sống khó khăn, nghèo đói, nhưng lại thích nhậu nhẹt. Ngày 06/02/2015, Trong lúc uống rượu, Việt nảy sinh ý định trộm máy bơm nước của ông Huỳnh Thanh Cường lấy tiền tiêu xài. (*Bản án số 30/2017/HS-ST ngày 15/6/2017 của TAND huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương*).

Vương Văn Phú, sinh năm: 1992, sinh ra trong một gia đình nghèo đói, Phú luôn có mong muốn kiếm được nhiều tiền để có thể thay đổi cuộc sống.

Hằng ngày nhìn thấy những người giàu có, khá giả xung quanh mình, Phú luôn cảm thấy ghen tỵ, cảm thấy cuộc đời bất công khi cuộc sống của gia đình mình quá nghèo đói. Tuy nhiên, Phú lại không chịu học hành, bỏ học để đi làm thuê nên tiền lương ít ỏi không thể giúp Phú thay đổi cuộc sống. Ngày 23/4/2017, Vương Văn Phú điều khiển xe mô tô biển số 51C-5338 đến nhà ông Phạm Văn Minh ngủ nhờ. Tại đây, Phú thấy ông Minh để số tiền 2.100.000 đồng và 01 bọc nilon trong đó 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, 01 chiếc bông tai màu vàng dưới chiếc chiếu nơi Phú nằm ngủ nên Phú nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để sử dụng (*Bản án 36/2017/HSST ngày 28-7-2017 của TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương*).

Hành vi phạm tội của Việt, Phú trong các vụ án trên chính là những minh chứng rõ ràng cho thấy ảnh hưởng từ sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, làm cho những người nghèo khó, những người thất bại trong làm ăn, luôn có khát khao, mong muốn được giàu có, khá giả, nhưng càng thất vọng, bế tắc, họ lại càng sai lầm khi lao vào rượu, bia, ma túy, ăn chơi, tiêu sài, từ đó dễ có tiền, họ chỉ còn cách phạm tội.

- Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm

Nền kinh tế phát triển đòi hỏi nguồn nhân lực tay nghề cao nếu không đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng thì số lượng người lao động không có việc làm sẽ gia tăng. Mặt khác, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đang có tác động mạnh mẽ đến thị trường việc làm của Bình Dương, một trong các tỉnh có nền kinh tế rất năng động ngay cạnh thành phố Hồ Chí Minh. Số liệu thống kê cho thấy, có đến 78 bị cáo chiếm tỷ lệ 47,27% tổng số 165 bị cáo phạm tội trộm cắp trên địa bàn tỉnh Bình Dương không có nghề nghiệp.

Tình trạng di dân tự do từ nơi khác đến, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp, đời sống nghèo đói, không am hiểu pháp luật. Quá trình đô thị hóa làm cho nhiều người dân mất đất, mất phương tiện

sản xuất, trong khi chính sách đào tạo nghề, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp chưa được thực hiện có hiệu quả. Từ đó làm cho tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm gia tăng. Không có việc làm, kinh tế khó khăn, nghèo đói, ... luôn làm cho con người cảm thấy buồn chán, thất vọng, bất công, nhiều người bết tắc lao vào rượu chè, cờ bạc, ma túy. Khi đã rơi vào các tệ nạn xã hội thì nhu cầu cần tiền lại gia tăng hơn lúc nào khác. Điều này rất dễ dẫn họ đến con đường phạm tội.

Diễn hình là Bản án số 35/2016/HSST ngày 09/9/2016 của TAND huyện Bầu Bàng xét xử Nông Văn Dền về hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Chí Hùng. Nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số di dân tự do từ tỉnh miền núi phía bắc đến huyện Bầu Bàng tỉnh Bình Dương sinh sống, với hy vọng được đổi đời. Tuy nhiên, học vấn thấp, không có tay nghề nên bị cáo không kiếm được việc làm để lo cho cuộc sống của mình và gia đình. Chán nản bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 61E1-221.24 của anh Nguyễn Chí Hùng đang dựng trước sân không có người trông coi. Từ vụ án trên cho thấy thất nghiệp, thiếu việc làm luôn là tác nhân quan trọng, tạo ra sự thất vọng, buồn chán, bi quan, nhất là thôi thúc người đó thực hiện hành vi phạm tội để có tiền chi tiêu cho cuộc sống.

- Sự du nhập luồng văn hóa không phù hợp

Tại tỉnh Bình Dương có rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài như Đài Loan, Hàn Quốc, Anh, Pháp... bên cạnh việc đến đầu tư tạo ra bộ mặt mới cho tỉnh thì họ cũng mang theo nhiều đặc trưng văn hóa nước mình vào trong cuộc sống hằng ngày với người dân Việt.

Sự du nhập văn hóa nước ngoài đã ảnh hưởng đến quan niệm đạo đức truyền thống tốt đẹp của người dân, một số người bất chấp tất cả để làm giàu kể cả phải vi phạm pháp luật.

Mặt trái của nền kinh tế thị trường sự xuất hiện của các trò chơi điện tử ngoại nhập, các quán nhậu, quán karaoke... đã góp phần lớn làm phát sinh nhiều tội phạm trong xã hội. Bị thu hút bởi những trò tiêu khiển nhưng tài chính lại không cho phép, các bị cáo lại thường là những người lười lao động nên dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Điển hình là Bản án số 27/2015/HSST ngày 18/8/2015 của TAND thị xã Thuận An xét xử bị cáo Nguyễn Bá Thanh cùng đồng phạm về hành vi trộm cắp tài sản của anh Phạm Đức Phúc. Nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng, sau khi đánh bài trực tuyến thua 500.000 đồng nhưng Thanh không có tiền thanh toán cho đối thủ, nên Thanh đã rủ bạn điều khiển xe máy đến trước cửa tiệm điện thoại của ông Phạm Đức Phúc, bị cáo để bạn đứng ngoài giữ xe và cảnh giới để bị cáo Thanh đi vào trong tiệm điện thoại, lợi dụng lúc không có người trong coi bị cáo Thanh đã lén lút chiếm đoạt của ông Phúc 01 máy tính xách tay hiệu Gateway Motorola ML 3080 trị giá 2.500.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ.

2.3.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội

Mỗi con người được sinh ra không phải để trở thành người phạm tội. Nhưng trong quá trình trưởng thành con người thường chịu sự tác động của môi trường sống, nếu gặp phải những điều kiện hoàn cảnh sống không thuận lợi thì nó sẽ ảnh hưởng đến việc hình thành các đặc điểm nhân thân xấu. Những đặc điểm nhân thân xấu này khi được tiếp xúc với tình huống tiêu cực sẽ làm phát sinh tội phạm. Nhóm các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội trộm cắp tài sản sẽ tạo dựng nên các đặc điểm nhân thân xấu, bao gồm: Nhu cầu, thói quen, sở thích lệch lạc, khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi, những hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân.

2.3.2.1. Thói quen, sở thích lệch lạc

Bảng 2.12 cho thấy: Các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản xuất phát từ những thói quen, sở thích lệch lạc như sau:

- Thường xuyên uống rượu, bia, ma túy và các chất kích thích khác, nghiện games, cần thỏa mãn nhu cầu bản thân nhưng lười lao động dẫn đến có hành vi phạm tội là 4 bị cáo, chiếm 2,42%;

- Vụ lợi, kinh tế là 154 bị cáo, chiếm 93,33%;

- Thích thể hiện là 3 bị cáo, chiếm 1,82%

Như vậy, số bị cáo vụ lợi, lười lao động nhưng thích hưởng thụ dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội chiếm tỷ lệ cao nhất. Đây là kết quả của việc di dân, đô thị hóa của Bình Dương. Người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận được các sản phẩm rượu, bia, những loại game mới...thông qua các kênh truyền hình, báo chí và các trang mạng xã hội một cách công khai và vô cùng hấp dẫn, kích thích thị hiếu, sở thích mọi người. Việc thường xuyên bỏ học, tụ tập chơi game, thích thể hiện và bị những người xấu dụ dỗ sử dụng ma túy khiến cho người chơi bị nghiện và sẵn sàng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để thỏa mãn nhu cầu. Điển hình là Bản án số 04/2014/HSST ngày 02/01/2014 của TAND Thành phố Thủ Dầu Một xét xử Nguyễn Thành Tâm về hành vi trộm cắp tài sản của ông Bùi Thanh Thiện. Nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, Tâm là đối tượng nghiện ma túy, không nghề nghiệp, thường bỏ nhà đi lang thang. Lười lao động, nhưng cần tiền tiêu xài nên đã lợi dụng lúc nhà không có người, Tâm đi vào phòng của Bùi Thanh Thiện để lấy trộm một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP4T, rồi mang đến tiệm cầm đồ Lê Khang 3 cầm cho chủ tiệm cầm đồ là anh Lê Quang Phúc được số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng). Số tiền này Tâm tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, chỉ vì tham lam, tư lợi cá nhân mà Tâm đã có hành vi vi phạm pháp luật.

Bản án số 20/2017/HSST ngày 29/6/2017 của TAND huyện Bắc Tân Uyên tỉnh Bình Dương xét xử Nguyễn Thành Nam về hành vi trộm 01 xe mô tô không gắn biển số, kiểu dáng xe wave, số khung VLKPCHO22LK 007948, số máy VLFPD1P50FMH7A100822 tại tiệm sửa xe Phúc Thắm của

ông Nguyễn Minh Phúc. Nghiện cứu hồ sơ thấy rằng, Nam làm thuê, ai thuê gì làm đó nên thu thập cũng bấp bênh, đã thế Nam còn thường xuyên tụ tập bạn bè để uống rượu nên tiền kiếm được bao nhiêu Nam tiêu vào rượu chè hết. Cũng do nghiện rượu bia Nam đã không kiểm soát được hành vi dẫn đến xô xát với bạn nhậu, do đó ngày 17/4/2017, Nam đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Bắc Tân Uyên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”. Động cơ phạm tội trộm xe mô tô của Nam là lòng tham, cần tiền phục vụ nhu cầu rượu bia của mình.

2.3.2.2. Khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi

Mỗi người có khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi khác nhau, khả năng này liên quan chặt chẽ đến độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn.

Thứ nhất, khả năng nhận thức, sức khỏe, nhu cầu, sở thích của con người do tuổi tác quyết định. Độ tuổi từ 18 đến dưới 30 tuổi sức khỏe của con người ở giai đoạn phát triển tốt nhất nhưng chưa thực sự chín chắn trong suy nghĩ và hành động, đây là độ tuổi phạm tội trộm cắp tài sản cao nhất, với 77 bị cáo.

Những túng thiếu trong cuộc sống hằng ngày, nhu cầu vật chất luôn cao hơn nguồn tài chính kiếm được, tính sĩ diện, thích thể hiện với bạn bè... sẽ dễ dẫn đến con đường phạm tội.

Độ tuổi từ 30 trở lên đã có suy nghĩ và hành động chín chắn hơn, khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi tốt hơn, điều kiện kinh tế đã ổn định hơn nên số người phạm tội trộm cắp tài sản giảm đi, chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân, mục đích lợi ích kinh tế như tranh chấp tài sản, trả thù, ảnh hưởng của uống rượu, bia... Riêng độ tuổi dưới 18 đang trong giai đoạn tâm - sinh lý chưa phát triển toàn diện, suy nghĩ và hành động còn nông nổi, bộc phát, thiếu kiến thức xã hội và kiến thức thực tiễn, hầu hết chưa có việc làm và thu nhập

ổn định, để phục vụ nhu cầu thỏa mãn các lợi ích vật chất, nhóm người này dễ bị kẻ xấu dụ dỗ, lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội.

Bản án số 27/2016/HSST ngày 01/2/2016 của TAND thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương xét xử Trần Thanh Tần, sinh năm 1998 về hành vi trộm 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen, 01 điện thoại Nokia 303 màu đỏ đen, 01 đồng hồ đeo tay hiệu ESSENCE, 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 10.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Cư đang nằm ngủ tại phòng trọ số 01, không khóa cửa, thuộc dãy nhà trọ tại số 324/68, tổ 03, khu 04, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, tại thời điểm gây án Tần chưa đủ 18 tuổi, không có trình độ học vấn, không nghề nghiệp nhưng lại nghiện chơi game. Ngày 30/9/2015, Tần đã từng bị Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, phạt số tiền 1.500.000 đồng theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 478/QĐ – XPVPHC. Như vậy, bị cáo là người chưa thành niên, suy nghĩ và hành động chưa chín chắn, nhưng lại không được giáo dục uốn nắn kịp thời nên chỉ vì cần tiền chơi game, để nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

Thứ hai, nam và nữ có khả năng kiềm chế và kiểm soát hành khác nhau. Kết quả phân tích tại bảng 2.3 cho thấy: Các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản ở Bình Dương hầu hết là nam giới, với 126 bị cáo do tính lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ nên thường hay xâm phạm quyền sở hữu của người khác. Chỉ có 39 bị cáo là nữ giới. Trong các vụ trộm cắp tài sản có phụ nữ tham gia thì hầu hết do tham lam, háms lợi, bị lôi kéo, do túng thiếu trong làm ăn. Hiện nay, nữ giới phạm tội trên địa bàn tỉnh Bình Dương đang có chiều hướng tăng, đây là vấn đề cần phải chú ý trong thời gian tới để có biện pháp phòng ngừa thích hợp. Điển hình là Bản án số 31/2014/HSST ngày

02/02/2016 của TAND thị xã Dĩ An xét xử Nguyễn Thị Hạnh có hành vi trộm cắp tài sản của Huỳnh Thị Kim Phụng. Nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng, sau khi biết bà Phụng hay cất tiền trong két sắt, Hạnh đã lợi dụng phòng ngủ của bà Phụng đang khép hờ, còn bà Phụng thì đang tắm. Hạnh đi vào phòng, đến gần két sắt đặt ở đầu giường ngủ của bà Phụng, và trộm số tiền 100.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bà Phụng bị cáo Hạnh sử dụng mua sắm tài sản cho cá nhân và tiêu xài riêng.

2.3.2.3. Những hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân

Pháp luật có vai trò then chốt trong việc đảm bảo trật tự an toàn xã hội, đảm bảo xã hội văn minh và phát triển tốt đẹp, bảo vệ mọi hoạt động đúng pháp luật của nhân dân và để pháp luật phát huy được hiệu quả thì ý thức pháp luật tích cực của người dân chính là nhân tố quan trọng hàng đầu.

Trong những năm gần đây, các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương tại Bình Dương hết sức quan tâm công tác giáo dục rèn luyện đạo đức, phổ biến giáo dục pháp luật, đầu tư và tuyên truyền rộng rãi nhằm góp phần nâng cao ý thức pháp luật của người dân, để người dân nắm rõ tầm quan trọng cũng như những quy định của pháp luật, từ đó nhìn nhận đúng và tự giác hơn trong việc chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, một bộ phận người dân có ý thức pháp luật vẫn còn thấp, chưa tôn trọng pháp luật, nhìn vào kết quả thống kê có thể thấy trình độ học vấn của đa số các bị cáo là thấp, số bị cáo phạm tội trong lứa tuổi thanh thiếu niên chiếm tỷ lệ cao. Những sở thích, thói quen xấu như thích hưởng thụ, lười lao động, coi trọng vật chất, lối sống gấp...của một bộ phận người dân, nhất là giới trẻ đang trở thành vấn nạn trong đời sống và dẫn đến hệ quả là trình độ dân trí thấp, ý thức pháp luật kém, coi thường pháp luật, vi phạm pháp luật.

Nghiên cứu nhận thức pháp luật của các bị cáo trước và sau khi thực hiện hành vi phạm tội tại bảng 2.20 cho thấy: Có 143 bị cáo, chiếm 87% biết

biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, có 143 bị cáo chiếm 87%; không quan tâm quy định của pháp luật, 01 bị cáo, chiếm 1%. Như vậy, đa số các bị cáo đều biết hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì nhiều nguyên nhân vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Số lượng bị cáo bộc phát, không lường trước được hậu quả chỉ có 21 bị cáo, chiếm tỷ lệ 13%. Nghiên cứu bảng 2.21 cho thấy, thái độ, nhận thức, tâm lý của các bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội như sau: Bị cáo cảm thấy ân hận, xấu hổ về hành vi phạm tội của mình là 70 bị cáo chiếm 42,42%; Bị cáo cảm thấy lo sợ, hoang mang là 45 bị cáo chiếm 27,27%; Bị cáo cảm thấy bình thường, bình tĩnh, thoải mái là 20 bị cáo chiếm 12,12%; Bị cáo có thái độ bất cần, dửng dưng trước hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra là 30 bị cáo, chiếm tỷ lệ 18,18%. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội ta cần tìm hiểu thái độ, nhận thức, tâm lý của các bị cáo để qua đó dự báo khả năng tái phạm tội, hay sẽ xem đó là bài học cảnh tỉnh không tiếp tục vi phạm pháp luật. Điển hình là Bản án số 273/2016/HSST ngày 06/9/2016 của TAND thị xã Thuận An xét xử bị cáo Hứa Tấn Lộc, bị cáo Danh Minh Tài có hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Ngọc Hà. Nghiên cứu thái độ, nhận thức, tâm lý của các bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong hồ sơ vụ án cho thấy: cả 02 biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại ước tính 15.000.000 đồng. Dù bị hại đã cẩn thận khóa cửa bằng hai ổ khóa nhưng các bị cáo đã sử dụng đoạn sắt có vân xoắn và 01 tua vít mang theo sẵn phá bung 02 ổ khóa trên rồi ngang nhiên dắt xe vào trong nhà, khép cửa lại, rồi tìm kiếm tài sản để lấy trộm. Điều này thể hiện sự bình tĩnh, thoải mái, thản nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo bình tĩnh chất đồ lên xe, ràng lại cẩn thận và đem đi tiêu thụ. Các bị cáo đã thực hiện hành vi vô cùng nguy hiểm cho xã hội, thái độ của các bị cáo rất ngang nhiên, thách thức, xem

thường pháp luật. Các bị cáo đã bị xét xử và chịu hình phạt thích đáng nhưng với thái độ, nhận thức, tâm lý của các bị cáo này thể hiện cho thấy khả năng giáo dục họ trở thành những công dân có ích cho xã hội khi tái hòa nhập cộng đồng là rất thấp và dự báo khả năng tái phạm tội lại rất cao.

Tiểu kết Chương 2

Ở chương 2 tác giả đã phân tích làm rõ các nhóm đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương, thông qua những nét khái quát, thực trạng và diễn biến tình hình tội trộm cắp tài sản, cho thấy tình hình tội phạm trộm cắp tài sản có tỷ lệ rất cao so với tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Dương và là nhóm tội chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm các tội xâm phạm sở hữu. Tính tổ chức, manh động, tinh vi của hành vi vi phạm đáng báo động.

Luận văn cũng tập trung làm rõ 04 cơ cấu chung của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương, bao gồm: Cơ cấu đặc điểm theo thời gian, địa điểm gây án; Theo phương thức, thủ đoạn, công cụ, phương tiện gây án; Theo mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội và theo thiệt hại do tội phạm gây ra và chế tài đã áp dụng. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã nghiên cứu cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo các nhóm đặc điểm nhân thân người phạm tội này như sau: Theo đặc điểm độ tuổi, giới tính; Theo trình độ học vấn, nghề nghiệp, địa vị xã hội; Hoàn cảnh gia đình; Nơi cư trú, quốc tịch, dân tộc, tôn giáo; Tiền án, tiền sự; Động cơ, mục đích phạm tội, thái độ khai báo và theo sở thích, thói quen lệch lạc.

Qua đó, tác giả đã phân tích làm rõ các yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đầu tiên, những yếu tố khách quan thuộc môi trường sống gồm: Môi trường gia đình; Môi trường giáo dục; Và môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội. Thứ hai, là các yếu tố chủ quan thuộc về môi trường

sống như: Thói quen, sở thích lệch lạc; Khả năng kiềm chế, kiểm soát hành vi; Và những hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân. Có thể thấy rằng, hành vi phạm tội xảy ra trên thực tế là kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố tâm, sinh lý tiêu cực xuất phát từ chính cá nhân người phạm tội với các yếu tố tiêu cực từ môi trường gia đình, giáo dục, văn hóa bên ngoài. Dựa trên những vấn đề đã được nghiên cứu ở chương 2, tác giả sẽ đi sâu tìm hiểu các giải pháp phòng ngừa và khắc phục tội phạm này từ khía cạnh nhân thân một cách hữu hiệu.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM TRỘM CẤP TÀI SẢN TỪ KHÍA CẠNH NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

3.1. Các giải pháp tăng cường phòng ngừa tội trộm cắp tài sản từ khía cạnh nhân thân người phạm tội

Phòng ngừa tội trộm cắp tài sản từ khía cạnh nhân thân người phạm tội được hiểu là việc tiến hành các biện pháp nhằm hạn chế, loại trừ các tác động tiêu cực hình thành các đặc điểm nhân thân xấu, tạo những điều kiện, môi trường thuận lợi để hình thành các đặc điểm nhân thân tốt, từ đó góp phần hạn chế sự phát sinh các hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Thực tiễn cho thấy, không phải cứ người có nhiều đặc điểm nhân thân xấu sẽ phạm tội trộm cắp tài sản và ngược lại người có nhiều đặc điểm nhân thân tốt sẽ không phạm tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, những người có nhiều đặc điểm nhân thân tốt nổi trội thì khả năng phát sinh hành vi phạm tội trộm cắp sẽ ít hơn nhiều so với những người có đặc điểm nhân thân xấu nổi trội. Từ lý luận này cho thấy, phòng ngừa tội trộm cắp tài sản từ khía cạnh nhân thân người phạm tội cần khắc phục tối đa các yếu tố tiêu cực cả khách quan và chủ quan, đồng thời cần tạo môi trường sống thuận lợi tối đa để giúp cho việc hình thành các đặc điểm nhân thân tốt ở mỗi người.

3.1.1. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường gia đình

Gia đình là một phần nhỏ của xã hội, là nơi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành tính cách của con người. Qua quá trình giáo dục từ gia đình đến nhà trường và xã hội thì tính cách của con người dần được hình thành, trong đó quan trọng nhất là vai trò của gia đình, vì gia đình là cái nôi văn hóa đầu tiên hình thành tính cách con người. Số liệu thống kê cho thấy, có 26 bị cáo (chiếm 15,75%) phạm tội trộm cắp tài sản ở Bình Dương

sinh sống trong các gia đình có phương pháp giáo dục không phù hợp; 15 bị cáo (chiếm tỷ lệ 9,09%) sống trong các gia đình có người thân vi phạm pháp luật; Gia đình có người thân có thói quen, sở thích lệch lạc như thường xuyên uống rượu, bia, nghiện ma túy...là 80 bị cáo (chiếm tỷ lệ 48,48%). Điều này cho thấy môi trường gia đình có tác động rất lớn đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội trộm cắp tài sản ở Bình Dương.

Vì vậy, để phòng ngừa tội phạm nói chung và các loại tội trộm cắp tài sản nói riêng cần thực hiện các giải pháp khắc phục, hạn chế các yếu tố tiêu cực trong môi trường gia đình làm phát sinh các đặc điểm nhân thân xấu ở những người phạm tội trộm cắp tài sản.

Tỉnh Bình Dương đã đề ra nhiệm vụ trọng yếu trong công tác gia đình theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tỉnh tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định về công tác gia đình; Công văn số 5137/BVHTTDL-GĐ ngày 15/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn công tác gia đình năm 2016; Kế hoạch số 4003/KH-UBND ngày 23/12/2013 về việc triển khai thực hiện công tác gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2014 và những năm tiếp theo; Kế hoạch 2935/KH-UBND năm 2017 thực hiện Chỉ thị 11/CT-TTg về đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình do tỉnh Bình Dương ban hành. Tập trung nguồn nhân lực để triển khai có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Mỗi gia đình cần phải nỗ lực tạo ra môi trường tích cực cho trẻ nhằm xóa bỏ những thói quen, sở thích lệch lạc của trẻ: Xây dựng nếp sống văn hóa trong gia đình như văn hóa lao động, văn hóa sinh hoạt, văn hóa tiêu dùng, văn hóa giao tiếp... Tập luyện cho trẻ ý thức, thói quen tự lập, không ỷ lại, dựa dẫm, biết quý trọng công sức lao động của bản thân và người khác...

Đồng thời, tạo lập và mở rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nề nếp, ông bà - cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Tránh những biểu hiện không lành mạnh như cha mẹ tham lam, tư lợi chiếm đoạt tài sản của ông bà; Cha mẹ lười lao động chỉ biết hưởng thụ tài sản của ông bà để lại... những biểu hiện đó sẽ ảnh hưởng đến hình thành nhân cách xấu của trẻ. Tỉnh Bình Dương đã và đang tích cực triển khai thực hiện Mô hình “Củng cố gia đình văn hóa” và Đề án “Tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam”. Đặc biệt, thực hiện Kế hoạch Triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển gia đình Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn 2030 với 3 mục tiêu và 12 chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020, trong đó có các chỉ tiêu cơ bản như: Phần đầu đến năm 2020 đạt 95% trở lên hộ gia đình được phổ biến, tuyên truyền và cam kết thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình; 97% nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được trang bị kiến thức cơ bản về gia đình; Phòng, chống bạo lực gia đình; Hàng năm, trung bình giảm từ 10 - 15% hộ gia đình có bạo lực gia đình; Hộ gia đình có người mắc tệ nạn xã hội. Phần đầu đến năm 2020 đạt 97% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 97% hộ gia đình dành thời gian chăm sóc, dạy bảo con, cháu, tạo điều kiện cho con, cháu phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, không phân biệt con, cháu là trai hay gái; 97% hộ gia đình thực hiện chăm sóc, phụng dưỡng chu đáo ông, bà, chăm sóc cha, mẹ, phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ... Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu này, đòi hỏi phải huy động sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị của tỉnh và sức mạnh của từng người dân trong tỉnh.

Gia đình có điều kiện kinh tế không thuận lợi cũng là một trong những nguyên nhân xuất hiện nhân cách không lành mạnh của trẻ. Trẻ mặc cảm tự ti

vì không bằng bạn bằng bè, và tìm mọi cách để thỏa mãn nhu cầu vật chất, kể cả phải trộm tài sản. Do đó tỉnh Bình Dương cần đưa ra những chủ trương chính sách phù hợp nhằm phát triển kinh tế gia đình, tạo điều kiện cho những gia đình chính sách, hộ gia đình nghèo, cận nghèo được tiếp cận những nguồn vốn hỗ trợ để họ có thể vươn lên phát triển kinh tế. Giai đoạn 2013-2017, tỉnh Bình Dương đã triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, góp phần tích cực trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương. Theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020 thì một số chỉ tiêu về kinh tế - xã hội mà tỉnh đặt ra là đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

- GRDP bình quân đầu người đạt 142,6 triệu đồng;
- Hàng năm giải quyết việc làm 45.000 lao động;
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh giảm hàng năm, đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo trên địa bàn tỉnh;
- Đạt 100% số xã và 3 đến 4 huyện, thị đạt chuẩn nông thôn mới.

Để đạt được các mục tiêu trên, tỉnh phải đánh thức tiềm năng của mọi thành phần kinh tế trong tỉnh, phát triển mạnh một số làng nghề truyền thống của tỉnh như: Làng nghề làm nhang ở Dĩ An (Thị xã Dĩ An), một trong những làng nghề đã có hơn 100 năm tuổi. Làng nghề làm heo đất ở Lái Thiêu (Thị xã Thuận An) ra đời cách đây gần nửa thế kỷ. Cho đến nay, dù số hộ theo nghề đã vơi đi nhưng nét đẹp truyền thống của làng nghề vẫn được bảo toàn nguyên vẹn. Những hộ bám theo nghề vẫn miệt mài với con heo bở ống. Làng nghề chạm khắc gỗ ở phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một là một nghề có truyền thống lâu đời, với hơn 200 năm tồn tại và được các thế hệ nghệ nhân truyền cho con cháu đến ngày nay. Làng nghề sơn mài Trương Bình Hiệp

nhieu thế kỷ nay vẫn là niềm tự hào, vinh dự của người dân địa phương, được xem là chiếc nôi của nghề sơn mài trên đất Bình Dương. Các làng nghề sản xuất gốm sứ như: Chánh Nghĩa, Lái Thiêu, Tân Phước Khánh... trong đó sản phẩm gốm sứ Minh Long được người tiêu dùng trong và ngoài nước ưa chuộng mang đẳng cấp thương hiệu gốm sứ tại Việt Nam. Bên cạnh đó cần đẩy mạnh ngành chăn nuôi theo hướng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Thực hiện tốt những việc này chính là tạo điều kiện tốt nhất cho kinh tế hộ gia đình phát triển, nhằm đạt được mục tiêu xóa nghèo đến năm 2020.

3.1.2. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục và nâng cao trình độ học vấn

Trường học được xem là nơi giáo dục và rèn luyện con người, trường học và môi trường giáo dục tác động rất lớn đến sự xuất hiện của các đặc điểm nhân thân con người, để đào tạo được những thế hệ trẻ tương lai có đủ tài và đức thì nhà trường cần làm tốt nhiệm vụ của mình. Ngược lại, khi nhà trường không hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục thì dễ xuất hiện các đặc điểm nhân thân xấu ở trẻ em, từ đó khi gặp tình huống tiêu cực họ dễ vi phạm pháp luật. Qua nghiên cứu các loại tội trộm cắp tài sản đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Dương cho thấy đa phần bị cáo đều có học vấn thấp (Có khoảng 73% bị cáo có trình độ tiểu học, trung học cơ sở, bị cáo không biết chữ chiếm 9%). Vì vậy, để phòng ngừa hiệu quả đối với tội phạm nói chung và các loại tội trộm cắp tài sản nói riêng ta cần hạn chế đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục, tạo cơ hội học tập, nâng cao dân trí. Để làm tốt vai trò giáo dục, nhà trường cần phải:

Một là, chú trọng thay đổi giáo dục các cấp theo hướng ngày càng hoàn thiện về lượng và chất, tạo điều kiện để mọi người được tiếp cận với nền

giáo dục tiên tiến hiện đại, và cần quan tâm đến những học sinh các biệt, hạn chế tối đa việc học sinh bỏ học. Nếu được giáo dục kịp thời, đầy đủ sẽ góp phần hạn chế những thanh thiếu niên bỏ học, tham gia tệ nạn xã hội và trở thành tội phạm. Để thực hiện điều này toàn tỉnh Bình Dương đã có chủ trương thực hiện xã hội hoá giáo dục nhằm phát huy tiềm năng về trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục. Bên cạnh đó cần tạo điều kiện thuận lợi để toàn xã hội, các đối tượng chính sách, người nghèo được tiếp cận thành quả giáo dục ở mức độ ngày càng cao.

Hai là, Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Dương có văn bản số 524/SGDDT-CTTTPC ngày 22/3/2018 về việc triển khai Cuộc thi "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" năm 2018. Và văn bản số 423/KHPH-SGDDT-CAT ngày 12/3/2018 về kế hoạch phối hợp Tổ chức, thông tin, tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh và sinh viên trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện kế hoạch trên thì ngoài việc dạy kiến thức phổ thông cần chú trọng công tác giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh, cần phải đưa pháp luật vào nhà trường thành những môn học chính khóa bắt buộc để giảng dạy trong các cấp học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học... Tiếp tục bồi dưỡng cho giáo viên kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật và cung cấp nguồn thông tin, phương tiện giảng dạy để làm cho các giờ học đạo đức, tâm lý của học sinh hiện nay thành giờ học hấp dẫn, thu hút học sinh về hình thức, biện pháp và phong phú về nội dung.

Ba là, phải tạo ra mối liên hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội thật sự chặt chẽ, coi sự phối hợp này là việc thực hiện thường xuyên, liên tục ở mọi thời điểm, để kịp thời phát hiện và có những biện pháp tác động phù hợp đối với những em có biểu hiện lười học, bỏ tiết, hút thuốc lá, uống rượu, chơi games, tụ tập nhóm không lành mạnh... Hạn chế thấp nhất việc áp dụng biện

pháp xử lý là đuổi học, đình chỉ học đối với các em vi phạm nội quy nhà trường, vì việc đuổi học thực tế chỉ răn đe được một số ít học sinh, số còn lại mang tâm lý bất cần sau khi bị đuổi học. Do đó, khi nhà trường áp dụng biện pháp xử lý là đuổi học, đình chỉ học thì đã gián tiếp đưa học sinh ra ngoài xã hội nhiều cam bẫy, có khả năng dễ tiếp cận với các thành phần xấu trong xã hội và đẩy học sinh đến gần với những tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

Bốn là, Văn bản số 174/SGDĐT-CTTTPC ngày 25/01/2018 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Căn cứ theo quy định nêu trên, trường học cần phối hợp với lực lượng Công an về việc xây dựng “Trường học an toàn về an ninh trật tự” và tạo môi trường học tập thật sự “Xanh – Sạch – Đẹp” cho học sinh phát triển toàn diện về trí tuệ và nhân cách. Nhà trường cũng cần phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh nhằm nắm bắt tốt nhất những tâm tư, nguyện vọng của học sinh, nắm rõ năng khiếu, sở trường của từng học sinh, qua đó có các định hướng giáo dục phù hợp để những năng khiếu, sở trường của các em được khơi dậy và phát triển, động viên khuyến khích để các em có say mê hứng thú trong học tập. Bằng con đường học tập và tu dưỡng đạo đức thì phẩm chất và năng lực của mỗi thành viên trong xã hội mới được nâng cao. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc hạn chế những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản.

3.1.3. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế

Giải pháp kinh tế - xã hội là một trong những giải pháp quan trọng được tiến hành một cách thường xuyên nhằm hạn chế nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm nói chung và tội phạm trộm cắp tài sản nói riêng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trong thời gian qua, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Bình

Dương đã ban hành các chính sách phát triển kinh tế theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của Chính phủ. Cụ thể như Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 02/2/2018 về phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2018; Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND9 ngày 12/8/2016 của HĐND tỉnh Bình Dương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2020, nhằm tạo nhiều việc làm cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm khoảng cách giàu nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, tạo nhiều quỹ phúc lợi xã hội. Năm 2017, tổng sản phẩm trong Tỉnh (GRDP) ước tăng 9,15% (vượt mức kế hoạch 8,3%). Cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch đúng hướng, với tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp - thuế nhập khẩu tương ứng là 63,99% - 23,68% - 3,74% - 8,59%. Tình hình sản xuất công nghiệp tăng 10,98%; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 161.357 tỷ đồng, tăng 19%. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục phát triển mạnh. Kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh ước đạt 28,533 tỷ USD, tăng 17,6%. Trong đó, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gỗ, dệt may, giày dép, cao su, gốm sứ... tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 23,819 tỷ USD, tăng 18,2%; Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,6%, chiếm 83% [41].

Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn đó những mặt trái của nền kinh tế, như vẫn còn một bộ phận không nhỏ dân cư có đời sống kinh tế khó khăn, không việc làm, việc làm không ổn định, sự phân hóa giàu nghèo vẫn ở mức cao. Vì vậy, để giảm bớt các tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Cần tạo môi trường thuận lợi (Hỗ trợ vay vốn; Gia hạn, khấu trừ, hoàn thuế, miễn, giảm thuế nội địa và xuất nhập khẩu; Đơn giản hóa thủ tục hành chính; Hỗ trợ xúc tiến thương mại; Tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh....) cho các nhà đầu tư vào sản phẩm có hàm lượng giá trị cao, tiết kiệm năng lượng, ít gây ô nhiễm môi trường; Các ngành nghề vừa phát triển kinh tế nhanh vừa giải quyết được vấn đề việc làm cho người lao động...

Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư và chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, các quy trình sản xuất nông nghiệp nhằm tăng sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập; Tăng cường giám sát mùa màng, phòng chống dịch bệnh; Mở rộng các hoạt động hỗ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ con giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đảm bảo cho giá cả và đầu ra của sản phẩm); Thu hút đầu tư xây dựng nông thôn mới, các dự án thủy lợi, hồ, đập, đảm bảo cung cấp và thoát nước cho sản xuất nông nghiệp; Cập nhật thông tin thời tiết, triều cường, xả lũ để có kế hoạch giúp nông dân ứng phó kịp thời; Tạo điều kiện cho nông dân dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, lãi suất thấp để phát triển sản xuất; Thúc đẩy phát triển các làng nghề truyền thống như nghề gốm, nghề sơn mài... bằng các chính sách hỗ trợ, đầu tư vốn, trang thiết bị kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm làng nghề thủ công...

Tập trung phát triển các ngành, sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp, đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, tiến tới hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh phát triển một số ngành dịch vụ như: Thương mại điện tử, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng, bất động sản, đào tạo nhân lực chất lượng cao; Hoàn thiện dịch vụ mũi nhọn nhằm hỗ trợ tối đa ngành công nghiệp của tỉnh như dịch vụ kho, cảng, vận tải chuyên dùng, cung ứng lao động... Kêu gọi đầu tư hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ như: Các trung tâm tài chính, ngân hàng, siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố

Thủ Dầu Một và trung tâm thương mại cấp khu vực tại khu vực phía Nam của tỉnh. Xây dựng các trung tâm thương mại tại đô thị Nam Bến Cát, Nam Tân Uyên theo hướng hiện đại, gắn với phát triển các đô thị mới. Phát triển thương mại theo hướng nhiều thành phần kinh tế tham gia, chú trọng đến phát triển thương mại điện tử, trung tâm phân phối, siêu thị đầu mối các sản phẩm có lợi thế của tỉnh nhằm khuyến khích hoạt động thương mại nhanh hơn, hiệu quả hơn. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường nội địa tiêu thụ sản phẩm đến các tỉnh, thành trong nước; Tăng cường thực hiện các hoạt động đẩy mạnh thực hiện chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu, để tiêu thụ hàng hoá, định hướng và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký thương hiệu sản phẩm trên các thị trường xuất khẩu. Củng cố và mở rộng thị phần hàng hoá tại các thị trường truyền thống; Tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, cần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp/ha, với mục tiêu đạt giá trị sản xuất khoảng 80-100 triệu đồng/ha/năm vào năm 2020; Riêng nông nghiệp công nghệ cao bình quân/ha canh tác/năm đạt từ 150-200 triệu đồng. Tăng cường công tác khuyến nông, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học. Phát triển cây ăn quả đặc sản ven sông Sài Gòn gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; Phát triển các khu nông nghiệp áp dụng kỹ thuật, công nghệ cao, các vùng nông nghiệp đô thị và cây ăn quả đặc sản. Đẩy mạnh ngành chăn nuôi theo hướng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ phù hợp từng khu vực nông thôn. Xây dựng các khu dân cư nông thôn, có

một số điều kiện theo kiểu đô thị hóa. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục giữ vững, duy trì mức độ hoàn thành và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Phấn đấu 100% số xã và 3 - 4 huyện, thị đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Phấn đấu đến năm 2020, thu nhập bình quân của dân cư nông thôn đạt trên 59 triệu đồng/người/năm.

Phát triển kinh tế nhằm tạo thêm nhiều việc làm cho người dân trong tỉnh chính là một trong các giải pháp quan trọng nhằm hạn chế tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, kinh tế khó khăn, khắc phục dần tình trạng nghèo đói sinh ra bất mãn, ghen tức, thù hận, chống đối, kiếm tiền bất chính...

3.1.4. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường xã hội

Để hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, theo đó các chỉ tiêu về xã hội mà tỉnh đề ra là: Tạo việc làm mới 45.000 lao động; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74%. Trong đó, lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 24%; Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của tỉnh dưới 1%. Để đạt được những chỉ tiêu trên Tỉnh ủy, ban, ngành các cấp và các tổ chức xã hội cần phải:

Thứ nhất, đảm bảo thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tập huấn nâng cao trình độ cho người lao động nhằm đáp ứng được nền kinh tế phát triển, như mở các trung tâm dạy nghề, chú trọng đến chất lượng đào tạo và mở rộng đào tạo các ngành nghề cần thiết hiện nay. Thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo học nghề

cho người lao động, giới thiệu việc làm cho người học nghề sau khi hoàn thành các khóa đào tạo nghề.

Ban hành cơ chế đột phá về giảm nghèo nhanh và bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm hỗ trợ cho họ ổn định cuộc sống bằng các hình thức dạy nghề, tạo việc làm, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập, nâng cao đời sống...

Mở rộng các trung tâm giới thiệu việc làm, tăng cường cập nhật các thông tin về lao động thất nghiệp, cần tìm việc, các doanh nghiệp cần tuyển lao động... để giúp họ gặp gỡ trao đổi với nhau, từ đó nắm bắt thông tin, nhu cầu về lao động, việc làm.

Bằng những chính sách ưu tiên như hỗ trợ vay vốn, miễn, giảm, gia hạn nộp thuế... sẽ khuyến khích doanh nghiệp mở rộng cơ hội việc làm cho người lao động, tiếp nhận và đào tạo lao động nghèo, lao động thuộc diện chính sách, người chấp hành xong hình phạt tù...

Thứ hai, quản lý, kiểm soát chặt chẽ số người đến tạm trú trên địa bàn tỉnh nhất là những địa bàn có nhiều cụm, khu công nghiệp như thị xã Thuận An, thị xã Dĩ An, huyện Tân Uyên.

Thứ ba, cần có những biện pháp quản lý chặt chẽ các loại hình vui chơi giải trí của trẻ vị thành niên như quán bar, quán nét, karaoke.... nhằm giải tán các tụ điểm giải trí không lành mạnh, có các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, cờ bạc... Hạn chế việc sử dụng trái phép các chất ma túy vì đây là một trong các nguyên nhân dẫn đến các hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Cần tuyên truyền đến các hộ kinh doanh trò chơi điện tử để họ quy định thời gian chơi nhằm giảm thiểu tình trạng thanh thiếu niên chơi điện tử ngày đêm, hạn chế tình trạng do thiếu tiền chơi điện tử mà nảy sinh ý định phạm tội.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng, nhân rộng và phát triển phong trào nhân dân tự quản về trật tự an ninh xã hội như: Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; câu

lạc bộ Chi hội phụ nữ nhà trọ; Câu lạc bộ thanh niên nhà trọ; Câu lạc bộ quản lý chồng, con em không phạm tội và liên quan đến tệ nạn xã hội; Tổ xe ôm tự quản bảo vệ an ninh trật tự. Tiếp tục củng cố lực lượng bảo vệ khu công nghiệp, bảo vệ dân phố, dân phòng, tổ an ninh nhân dân thực sự là lực lượng nòng cốt của phong trào quần chúng hỗ trợ tích cực cho Công an trong tuần tra, phát hiện, bắt giữ các đối tượng phạm tội nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng. Đặc biệt cần mở rộng mô hình nhân dân tự quản tại các địa bàn cụm dân cư trong việc phát hiện người lạ, người khả nghi ở các khu phố.

3.1.5. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa

Những năm qua, Bình Dương đã tích cực xây dựng môi trường văn hóa. Toàn tỉnh đã có 32 xã được công nhận là xã nông thôn mới. Một số thiết chế văn hóa đã được tỉnh quản lý và đưa vào khai thác như: Sân vận động, trung tâm văn hóa-điện ảnh, thư viện, bảo tàng, trụ sở Đoàn ca múa nhạc dân tộc, nhà thi đấu thể thao đa năng có sức chứa 1.500 chỗ ngồi. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân được tỉnh Bình Dương quan tâm chú trọng. Điển hình như ở Khu công nghiệp Mỹ Phước đã đầu tư xây dựng nhà hát sân khấu ngoài trời phục vụ công nhân lao động; Cụm sân bóng đá với 6 sân đạt tiêu chuẩn. Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ tỉnh được xây dựng tại khu công nghiệp Mỹ Phước 3 với diện tích 15.446 m², gồm các công trình như hội trường đa năng, khối tư vấn, 10 phòng học và các phòng chức năng... Tại trung tâm có nhiều hoạt động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, các hoạt động dịch vụ, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Tại các địa phương như thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Dĩ An, Thuận An, Bến Cát, Tân Uyên, nhiều tổ chức cá nhân đã đầu tư xây dựng công trình thể thao...

Bên cạnh những kết quả đạt được, môi trường văn hóa của tỉnh vẫn còn những hạn chế nhất định. Để hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn

hóa đến quá trình hình thành nhân cách của trẻ thì Đảng, chính quyền, đoàn thể, gia đình và nhà trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương cần có sự phối hợp chặt chẽ và cần chú ý các vấn đề sau:

Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh Bình Dương, Phòng văn hóa thông tin ở các huyện, cán bộ phụ trách văn hóa ở phường phối hợp với các phòng ban liên quan phải đẩy mạnh quản lý, thường xuyên giám sát hoạt động của các loại hình văn hóa dịch vụ, kiểm tra việc cấp phép, đăng ký kinh doanh đối với các dịch vụ Internet, văn hóa phẩm mang tính nhạy cảm, đồng thời ngăn chặn các loại phim ảnh bạo lực, đồi trụy, xuất hiện tràn lan trên các trang mạng, tác động tiêu cực đến việc hình thành nhân cách và lối sống của người chưa thành niên.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công các sở, ban, ngành cần đưa ra những giải pháp hữu hiệu để có thể tuyên truyền những thông tin cần thiết đến quần chúng nhân dân để họ có thể nhận thức đúng, đầy đủ về trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và xã hội trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng.

Chính quyền, các ban, ngành của tỉnh cần quan tâm xây dựng và phát triển những khu vui chơi giải trí bổ ích, phù hợp sở thích, lứa tuổi nhằm thu hút các em đến vui chơi, sinh hoạt lành mạnh như phát triển các câu lạc bộ, đội, nhóm, nhà văn hóa...

3.2. Các giải pháp phòng ngừa tái phạm tội

3.2.1. Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự

Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự cũng là giải pháp quan trọng giúp người phạm tội biết được hành vi mình gây ra là sai, biết ăn năn hối hận và cố gắng sửa chữa để trở thành người có ích cho gia đình, cho xã hội. Do đó, để công tác thi hành án hình sự được cải thiện trong thời gian tới tỉnh Bình Dương cần phải:

Thứ nhất, cần cải tạo cơ sở vật chất phù hợp với việc giáo dục phạm nhân nhằm biến nhà tù thành trường học, tạo điều kiện để phạm nhân có thể hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Thứ hai, cần kiện toàn đội ngũ cán bộ thi hành án hình sự trong các cơ sở giam giữ, cải tạo. Luôn chú trọng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, trang bị kỹ năng, kiến thức tâm lý lứa tuổi cho cán bộ...Việc hướng nghiệp, dạy nghề đối với phạm nhân, trại viên cần được quan tâm sâu sắc nhằm đạt hiệu quả cao. Môi trường sinh hoạt trong những trại giam giữ phải luôn được cải thiện nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ và các loại đối tượng giam giữ. Tăng cường phối hợp với các cơ quan tư pháp trong hoạt động quản lý, theo dõi người bị kết án tù đang tại ngoại, hoãn, tạm đình chỉ thi hành án.

Thứ ba, cán bộ trại giam giữ phải làm tốt công tác phân loại phạm nhân bằng cách nắm rõ đặc điểm nhân thân, lai lịch của từng phạm nhân, để có các biện pháp, tuyên truyền, quản lý, giáo dục cho phù hợp, hiệu quả.

Thứ tư, để người chấp hành xong hình phạt tù được tái hòa nhập cộng đồng thì cần nâng cao chất lượng công tác giáo dục về: Pháp luật, đạo đức, kỹ năng sống...

Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch số 4005/KH-UBND ngày 13/9/2017 về sơ kết 06 năm từ 2011-2017 thực hiện Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Sở Thông tin và Truyền thông cũng đã ban hành Công văn số 586/STTTT-BCXB chỉ đạo tuyên truyền Nghị định 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Qua đó, góp phần thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 4005/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm nâng cao trách

nhệm, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để tiếp tục thực hiện Nghị định số 80/2011/NĐ-CP trong thời gian tới.

Thứ năm, để người phạm tội được tái hòa nhập cộng đồng tốt hơn thì công tác giáo dục dạy nghề, giáo dục thông qua lao động cần phải được chú trọng. Qua nghiên cứu 100 bản án với 165 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản thì có đến 72,72% đối tượng không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, do đó nếu sau khi mãn hạn tù họ vẫn không có công việc ổn định thì nguy cơ dẫn đến việc tái phạm tội là rất lớn. Mặt khác, Bình Dương là tỉnh có nền công nghiệp phát triển nên việc đòi hỏi người lao động phải có tay nghề cao là yêu cầu cần thiết. Vì vậy, phải tạo điều kiện để người chấp hành án được tiếp cận chương trình đào tạo nghề, cần tư vấn cho phạm nhân những ngành nghề mà xã hội đang cần và phù hợp với khả năng của họ để bảo đảm rằng sau khi chấp hành xong hình phạt tù họ có thể kiếm sống lương thiện bằng nghề đã được học. Giáo dục ý thức tôn trọng giá trị lao động, tôn trọng sở hữu, đạo đức, pháp luật cho phạm nhân nhằm giúp họ biết được giá trị của lao động để khi mãn hạn tù về họ có thể dễ dàng tái hòa nhập cộng đồng.

3.2.2. Thực hiện tốt công tác tái hòa nhập cho người chấp hành xong hình phạt

Từ năm 2011 đến năm 2017, thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương lực lượng công an các cấp đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể phối hợp lực lượng công an cơ sở tổ chức tiếp nhận người chấp hành xong án phạt tù về địa phương được gần 6.000 người. Bảo đảm 100% số người chấp hành xong án phạt tù về địa phương được lập hồ sơ quản lý, kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cá nhân, tổ chức trực tiếp giáo dục, quản lý, giúp đỡ người đã chấp hành xong án phạt tù...

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về sơ kết thực hiện Nghị định 80/2011/NĐ-CP ngày 16-9-2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2017, thời gian qua từ tỉnh đến các phường, xã đã có nhiều cách làm hay, sát với thực tiễn và được người dân đánh giá cao. Các ban ngành, đoàn thể đã có những cách làm, mô hình phù hợp với tính chất, đặc điểm của mình giúp người lầm lỗi hòa nhập cộng đồng.

Cụ thể như trại tạm giam Công an tỉnh đã tăng cường công tác giáo dục, hỗ trợ pháp lý cho phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù, giúp họ có kiến thức, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, tìm kiếm việc làm. Từ năm 2012 đến năm 2017, trại tạm giam Công an tỉnh đã mở 60 lớp giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng cho 1.113 phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù, giáo dục hỗ trợ thủ tục pháp lý cho 625 lượt phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù.

Bên cạnh đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chấp hành xong án phạt tù cũng như thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước, thời gian thực hiện Nghị định 80/2011/NĐ-CP ngày 16-9-2011, Cục Thi hành án dân sự phối hợp các ngành tư pháp rà soát và lập hồ sơ miễn giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự cho người chấp hành xong án phạt tù được 182 hồ sơ với số tiền hơn 850 triệu đồng.

Hội Liên hiệp thanh niên tỉnh phối hợp công an thành lập 68 Câu lạc bộ “Thắp sáng niềm tin” ở các huyện, thị, thành phố với 675 thành viên là người chấp hành xong án phạt tù, người chấp hành xong quyết định cai nghiện và cải tạo tại cơ sở giáo dục về cư trú tại địa phương. Các câu lạc bộ đã tiến hành gần 700 đợt tuyên truyền, phát gần 300.000 tờ rơi, trên 2.000 poster tuyên truyền về đường lối, chủ chương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người chấp hành án phạt tù về cư trú tại địa phương. Từ những cuộc

tuyên truyền này giúp những người lầm lỗi nỗ lực hòa nhập cộng đồng, tìm việc làm để ổn định cuộc sống, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Trong khi đó Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh cũng đã tổ chức nhiều buổi tuyên truyền về công tác tái hòa nhập cộng đồng, phát tài liệu về kỹ năng tìm kiếm việc làm và các địa chỉ doanh nghiệp tuyển dụng lao động trên địa bàn tỉnh cho các phạm nhân trại viên sắp chấp hành xong án phạt tù...

Để kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ, giáo dục và cảm hóa những người lầm lỗi, nhất là thanh niên chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại địa phương sớm hòa nhập cộng đồng; Giảm tỷ lệ tái phạm, đồng thời tạo sân chơi lành mạnh cho thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam An Phước, Trại giam Phú Hòa đã ký kết kế hoạch liên tịch về việc phối hợp giáo dục phạm nhân, trại viên trong độ tuổi thanh niên và giúp đỡ họ tái hòa nhập cộng đồng. Theo đó, các câu lạc bộ được thành lập theo xã, phường, thị trấn. Người đứng đầu câu lạc bộ là Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên địa phương đó. Hội viên là các bạn đoàn viên thanh niên và người chấp hành xong án phạt tù. Từ mô hình này đã xuất hiện nhiều cá nhân hoàn lương điển hình được tuyên dương [42].

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu được ở chương 2, cũng như đặc điểm điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Dương thể hiện bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương sẽ có nhiều chuyển biến. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội sẽ chuyển biến dần dần chứ chưa có những đột phá làm mất đi những tác động tiêu cực đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực. Trong những năm tới, tỉnh Bình Dương sẽ tiếp tục nhận một số lượng lớn người lao động nhập cư từ các địa phương khác đến làm ăn sinh sống, lao động và học tập, sẽ làm cho bức tranh tội phạm có nhiều chuyển biến phức tạp. Cùng với đó, tình trạng nghiện hút, cờ bạc và các tệ

nạn xã hội khác cũng gia tăng, gây tác động xấu đến tư tưởng, quan điểm, tâm lý của con người, từ đó có tác động rất lớn đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân xấu ở mỗi người dân trong tỉnh.

Trong chương 3, trên cơ sở đánh giá khái quát tình hình tội phạm tội trộm cắp tài sản, thực tiễn các đặc điểm nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản và những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2017, tác giả đã có những dự báo tình hình tội trộm cắp tài sản và đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế những tác động tiêu cực từ môi trường gia đình, môi trường giáo dục, môi trường kinh tế, văn hóa-xã hội đến nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản để từ đó loại bỏ những đặc điểm nhân thân xấu, phát triển những đặc điểm nhân thân tích cực. Đặc biệt, các biện pháp này hướng đến các chủ thể có khả năng cao thực hiện tội trộm cắp tài sản. Với nội dung đã phân tích, tác giả hy vọng rằng luận văn sẽ góp phần phát triển các công tác đấu tranh phòng - chống tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

KẾT LUẬN

Nhằm đấu tranh phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản có hiệu quả chúng ta cần hiểu như thế nào là nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản. Bằng những nghiên cứu tổng quát về nhân thân người phạm tội, tác giả đã phân tích làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đặc điểm, sự hình thành nên các đặc điểm nhân thân của người phạm tội trộm cắp tài sản khi chịu sự tác động từ yếu tố khách quan trong quá trình sống, học tập, làm việc, sự ảnh hưởng của mặt trái nền kinh tế thị trường, sự du nhập không chọn lọc văn hóa ngoại lai vào đời sống xã hội, việc giáo dục đạo đức, lối sống, pháp luật cho cá nhân người phạm tội từ môi trường sống chưa được tốt; Lẫn những yếu tố chủ quan bên trong con người như sở thích, thói quen lệch lạc, lối sống tham lam, thực dụng, vụ lợi, thích thể hiện. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản để tìm hiểu nguyên nhân làm phát sinh tội phạm về trộm cắp tài sản, định tội, định khung, quyết định hình phạt một cách chính xác, cũng như đề ra các biện pháp hữu hiệu giáo dục, cải tạo người phạm tội trộm cắp tài sản.

Đồng thời, tác giả đã đi sâu nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học về nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản, thực trạng triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 – 2017 để làm rõ các đặc điểm nhân thân và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản phù hợp với đặc điểm về địa lý, dân cư, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong thời gian tới.

Tác giả hy vọng đề tài nghiên cứu của mình sẽ bổ sung cơ sở lý luận, và thực tiễn về nhân thân người phạm tội, giúp việc điều tra loại tội phạm

trộm cắp tài sản đạt hiệu quả cao, hỗ trợ các cơ quan tư pháp có thể vận dụng trên con đường đấu tranh phòng, chống tội phạm trộm cắp tài sản trong thời gian tới.

Trong công tác phòng, chống tội trộm cắp tài sản các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Dương từ lâu đã chú trọng sử dụng các đặc điểm nhân thân người phạm tội. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chỉ dừng lại ở mức độ cá nhân và cùng với sự tác động mạnh mẽ của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình trạng di dân gây nhiều khó khăn trong quản lý và bảo đảm trật tự trị an tại địa phương.

Những yếu kém trong công tác quản lý nhà nước trên các mặt kinh tế văn hóa - xã hội, sự thờ ơ trong giáo dục thanh thiếu niên nên hoạt động đấu tranh phòng chống tội trộm cắp tài sản còn nhiều bất cập, khiếm khuyết chưa đạt được chỉ tiêu đề ra, tình hình tội trộm cắp tài sản còn diễn ra khá phức tạp, số lượng người phạm tội trộm cắp tài sản tăng nhanh so với các loại tội phạm khác.

Đã từng có nhiều luận văn nghiên cứu về nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản, nhưng đây là luận văn đầu tiên nghiên cứu nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tác giả đã rất nỗ lực cố gắng phấn đấu để hoàn thành tốt công trình nghiên cứu của mình tuy nhiên những thiếu sót, hạn chế là không thể tránh khỏi. Vì thế rất cần những ý kiến đóng góp của quý thầy cô, của đồng nghiệp, của các bạn...để tiếp tục hoàn thiện kết quả nghiên cứu của mình.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Phó Giáo sư - Tiến sĩ Trần Hữu Tráng và những thầy, cô giáo đã từng giảng dạy lớp Cao học luật khóa 7 đợt 2 năm 2016; Các bạn đồng nghiệp đang công tác tại TAND tỉnh Bình Dương... đã nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp số liệu, tài liệu để tác giả thực hiện hoàn thành Luận văn này./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2010) *Chỉ thị số 48-CT/TW quy định về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, ban hành ngày 22/10/2010, Hà Nội;
2. Bộ Chính trị (2005) *Nghị quyết số 49-NQ/TW quy định về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội;
3. Bộ Công an (2013) *Thông tư số 39/2013/TT-BCA quy định về quy định về giáo dục và tư vấn cho phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù*, ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2013, Hà Nội;
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2016) *Công văn số 5137/BVHTTDL-GD quy định về hướng dẫn công tác gia đình năm 2016*, ban hành ngày 25/12/2015, Hà Nội;
5. Nguyễn Văn Cảnh (chủ biên) (2016) *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
6. Chính phủ (2017) *Nghị định số 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường*, ban hành ngày 17/7/2017, Hà Nội;
7. Chính phủ (2018) *Nghị quyết số 01/NQ-CP quy định về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018*, ban hành ngày 01/01/2018, Hà Nội;
8. Chính phủ (2013) *Nghị định số 02/2013/NĐ-CP quy định về công tác gia đình*, ban hành ngày 03/01/2013, Hà Nội;
9. Chính phủ (2011) *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù*, ban hành ngày 16/9/2011, Hà Nội;
10. Học viện Cảnh sát nhân dân (2013) *Một số vấn đề Tội phạm học Việt Nam*, tài liệu tham khảo dành cho hệ đào tạo sau đại học, ngành luật học;

11. Hội đồng nhân dân (2016) *Nghị quyết số 29/2016/QĐ-HĐND9 quy định về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2020*, ban hành ngày 12/8/2016, Bình Dương;

12. Hội đồng nhân dân (2016) *Nghị quyết số 45/2016/QĐ-HĐND9 quy định về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017*, ban hành ngày 16/12/2016, Bình Dương;

13. Hội đồng nhân dân (2017) *Nghị quyết số 27/2017/QĐ-HĐND quy định về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018*, ban hành ngày 15/12/2017, Bình Dương;

14. Nguyễn Vũ Khanh (2017) *Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Long An*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội;

15. Hồ Thanh Lam (2016) *Nhân thân người phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội;

16. Quốc hội (2017) *Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

17. Sở giáo dục và đào tạo (2018) *Văn bản số 524/SGDĐT-CTTTPC quy định về việc triển khai Cuộc thi "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*, ban hành ngày 22/3/2018, Bình Dương;

18. Sở giáo dục và đào tạo (2018) *Văn bản số 423/KHPH-SGDĐT-CAT quy định về kế hoạch phối hợp Tổ chức, thông tin, tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh và sinh viên trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh*, ban hành ngày 12/3/2018, Bình Dương;

19. Tòa án nhân dân (2013-2017) *Báo cáo tổng kết các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*, Bình Dương;

20. Tòa án nhân dân (2013-2017) *Các bản án sơ thẩm hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*, Bình Dương;

21. Tòa án nhân dân (2013-2017) *Thống kê xét xử các vụ án hình sự năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*, Bình Dương;

22. Trần Hữu Tráng (2010) “Bàn về nguyên nhân của tội phạm”, Tạp chí *Luật học*, số 11, tr. 43-51;

23. Trần Hữu Tráng (2014) “Dự báo nguy cơ tội phạm”, Tạp chí *Luật học*, số 4, tr. 46-53;

24. Trần Hữu Tráng (2011) *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội;

25. Trần Hữu Tráng (2011) “Nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm”, Tạp chí *Luật học*, số 10, tr.55-63;

26. Trần Hữu Tráng (2010) “Tác động của kinh tế thị trường đến tình hình tội phạm và phòng ngừa tội phạm ở nước ta”, Tạp chí *Luật học*, số 1, tr. 42-50;

27. Trường Đại học Huế (2003) *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

28. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004) *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

29. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2013) *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh;

30. Ủy ban nhân dân (2018) *Chỉ thị số 07/CT-UBND quy định về phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2018*, ban hành ngày 02/2/2018, Bình Dương;

31. Ủy ban nhân dân (2016) *Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực*

hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030, Bình Dương;

32. Ủy ban nhân dân (2013) Kế hoạch số 4003/KH-UBND quy định triển khai thực hiện công tác gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2014 và những năm tiếp theo, ban hành ngày 23/12/2013, Bình Dương;

33. Ủy ban nhân dân (2017) Kế hoạch số 2935/KH-UBND quy định đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, ban hành năm 2017, Bình Dương;

34. Ủy ban nhân dân (2017) Kế hoạch số 4005/KH-UBND quy định về sơ kết 06 năm từ 2011-2017 thực hiện Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù, ban hành ngày 13/9/2017, Bình Dương;

35. Ủy ban nhân dân (2016) Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND quy định ban hành kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020, ban hành ngày 19/8/2016, Bình Dương;

36. Viện kiểm sát nhân dân Thống kê tội phạm hình sự năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, Bình Dương;

37. Võ Khánh Vinh (2014) Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

38. Võ Khánh Vinh (2003) Giáo trình Tội phạm học, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

39. Võ Khánh Vinh (2013) Giáo trình tội phạm học, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

40. Nguyễn Như Ý (1999) *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội;

41. Trịnh Hoàng Tuấn Anh (2017) “Bình Dương tăng trưởng kinh tế 9,15%”, <<http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/174-10364-nam-2017--binh-duong-tang-truong-kinh-te-915.html>>, (11/01/2018);

42. Nhóm phóng viên Báo Bình Dương “Giúp người làm lỡ hòa nhập cộng đồng, Báo Bình Dương online”, <<http://baobinhduong.vn/giup-nguoi-lam-lo-hoa-nhap-cong-dong-a171720.html>>, (20/11/2017);

43. Vov.vn-Báo điện tử Đài tiếng nói Việt Nam “Hiệp sĩ đường phố ở Bình Dương được hưởng chế độ như người có công”, <<https://vov.vn/xahoi/hiep-si-duong-pho-o-binh-duong-duoc-huong-che-do-nhu-nguoi-co-cong-762872.vov>>, (16/5/2018);

44. Phương Chi “Phòng chống tội phạm tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp”, <<https://www.binhduong.gov.vn/tin-tuc/2017/03/873-phong-chong-toi-pham-tai-cac-khu-cum-cong-nghiep-tren-dia-ban-tinh-binh-duong-thuc-trang-va-giai-pha>>, (20/3/2017).

PHỤ LỤC

**Bảng 2.1: Thống kê án hình sự đã xét xử và án trộm cắp tài sản
trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2017**

Năm	Tội phạm chung		Tội trộm cắp tài sản		Tỷ lệ %	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2013	1.991	3.921	519	871	26,06	22,21
2014	2.218	4.370	663	1040	29,89	23,79
2015	2.033	4.060	625	932	30,74	22,95
2016	1.914	3.597	523	762	27,32	21,18
2017	1.600	2.884	455	607	28,43	21,04
Tổng	9.756	18.832	2.785	4.212	28,54	22,36

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm (từ năm 2013 đến năm 2017) của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

**Bảng 2.2: Thống kê án hình sự đã xét xử về tội trộm cắp tài sản với
nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn
2013-2017**

Năm	Nhóm tội xâm phạm sở hữu		Tội trộm cắp tài sản		Tỷ lệ %	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2013	887	1552	519	871	58,51	56,12
2014	1.033	1.782	663	1040	64,18	58,36
2015	940	1.455	625	932	66,48	64,05
2016	862	1.280	523	762	60,67	59,53
2017	697	993	455	607	65,27	61,12
Tổng	4.419	7.062	2.785	4.212	63,02	59,64

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm (từ năm 2013 đến năm 2017) của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

Bảng 2.3: Bảng thống kê độ tuổi và giới tính của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Năm	Số bị cáo	Độ tuổi				Giới tính	
		Dưới 18	Từ 18 đến dưới 30	Từ 30 đến dưới 45	Từ 45 trở lên	Nam	Nữ
2013	53	0	21	22	10	32	21
2014	26	0	18	4	4	22	5
2015	30	1	21	6	2	30	0
2016	22	3	9	8	2	16	4
2017	34	5	8	17	4	26	9
Tổng	165	9	77	57	22	126	39

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.4: Bảng thống kê trình độ học vấn của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Năm	Số bị cáo	Trình độ học vấn			
		Không biết chữ	Tiểu học, trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên
2013	53	5	40	8	0
2014	26	2	19	5	0
2015	30	3	22	3	2
2016	22	4	13	2	3
2017	34	1	26	6	1
Tổng	165	15	120	24	6
Tỷ lệ %	100%	9%	73%	15%	3,63%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.5: Bảng thống kê nghề nghiệp và địa vị xã hội của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Nghề nghiệp		Số bị cáo	Tỷ lệ %	Địa vị xã hội	
				Số bị cáo có địa vị xã hội	Số bị cáo không có địa vị xã hội
Ổn định	Học sinh, Sinh viên	0	0	0	0
	Công chức, viên chức	0	0	0	0
	Doanh nghiệp	0	0	0	0
	Công nhân	15	9,09	0	15
	Nghề nghiệp khác (phụ trách tôn giáo, bảo vệ, sửa xe, lái xe, bán vé số, tiếp viên...)	62	37,57	2	60
Không ổn định	Làm thuê, phụ hồ, thợ xây, thợ sơn	41	24,84	0	41
	Làm rẫy, làm vườn	1	0,60	0	1
	Không nghề nghiệp	78	47,27	0	78
Tổng		165		2	163
Tỷ lệ %			100%	1,21%	98,78%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.6: Bảng thống kê hoàn cảnh gia đình của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Tổng số bị cáo	Hoàn cảnh gia đình	Số bị cáo	Tỷ lệ %
165	Gia đình có phương pháp giáo dục không phù hợp	26	15,75
	Gia đình có người thân vi phạm pháp luật	15	9,09
	Gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con cái.	44	26,66
	Gia đình có người thân có thói quen, sở thích lệch lạc như lười lao động, đua đòi, lối sống gấp, thường xuyên uống rượu, bia, nghiện ma túy...	80	48,48

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.7: Bảng thống kê nơi cư trú theo đơn vị hành chính của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

STT	Đơn vị hành chính	Số bị cáo	Tỷ lệ %
1	Thành phố Thủ Dầu Một	44	27%
2	Thị xã Thuận An	4	2%
3	Thị xã Tân Uyên	4	2%
4	Thị xã Dĩ An	2	1%
5	Thị xã Bến Cát	4	2%
6	Huyện Dầu Tiếng	8	5%
7	Huyện Phú Giáo	2	1%
8	Huyện Bàu Bàng	4	2%
9	Huyện Bắc Tân Uyên	3	2%
10	Nơi khác chuyển đến	90	55%
Tổng		165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.8: Bảng thống kê dân tộc của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Dân tộc	Số bị cáo	Tỷ lệ %	Quốc tịch	
			Việt Nam	Quốc tịch khác
Dân tộc Kinh	130	78,78	130	0
Dân tộc Hoa	10	6,06	0	0
Dân tộc Tày	4	2,42	0	0
Dân tộc Nùng	4	2,42	1	0
Dân tộc Chăm	5	3,03	0	0
Dân tộc Khmer	8	4,84	1	0
Dân tộc Mường	4	2,42	0	0
Tổng	165	100	165	0

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.9: Bảng thống kê tiền án, tiền sự của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Tiền án	32	19%
Tiền sự	14	8%
Phạm tội lần đầu	119	72%
Tổng	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.10: Bảng thống kê phương thức thực hiện tội phạm trộm cắp tài sản

Tổng số vụ án	Hình thức phạm tội	Số vụ phạm tội	Tỷ lệ %
100	Đồng phạm	27	27 %
	Đơn lẻ	73	73%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.11: Bảng thống kê công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm trộm cắp tài sản

Tổng số vụ án	Công cụ/phương tiện thực hiện tội phạm	Số vụ phạm tội	Tỷ lệ %
114	Hung khí nguy hiểm	60	52,63%
	Hung khí thô sơ	20	17,54%
	Hóa chất	4	4%
	Công cụ, phương tiện khác	30	26,31%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.12: Bảng thống kê động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Động cơ, mục đích	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Thỏa mãn nhu cầu cá nhân: bia, rượu, ma túy, game..	4	2, 42%
Thích thể hiện	3	1,82%
Vụ lợi, kinh tế	154	93,33%
Động cơ, mục đích khác (cay cú, trả thù...)	4	2, 42%
Tổng	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.13: Bảng thống kê thái độ khai báo của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Thái độ khai báo	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Thành khẩn khai báo	164	99%
Không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội	1	1%
Tổng số	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.14: Bảng thống kê mối quan hệ giữa nạn nhân và các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Mối quan hệ	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Quen biết với nạn nhân	13	7,87%
Có quen biết không có ý định phạm tội nhưng do bị người khác rủ rê, lôi kéo phạm tội	23	13,94%
Không quen biết	129	78,18%
Tổng số	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.15: Bảng thống kê thời gian gây án của các vụ án trộm cắp tài sản

Khoảng thời gian	Số vụ án	Tỷ lệ %
Từ 1-6	44	39%
Từ 7-12	26	23%
Từ 13-18	21	18%
Từ 19-24	23	20%
Tổng	114	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.16: Bảng thống kê địa điểm gây án của các vụ án trộm cắp tài sản

Địa điểm gây án	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Nơi công cộng	37	22%
Các tụ điểm kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải trí	34	21%
Nơi ở của bị cáo, nơi ở của nạn nhân	94	57%
Tổng số	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.17: Bảng thống kê thiệt hại do các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Thiệt hại	Tài sản/Số người bị thiệt hại	Tỷ lệ %
Tài sản	137	91,33%
Tài sản và sức khỏe	13	8,6%
Tổng số	150	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.18: Bảng thống kê chế tài đã áp dụng đối với các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản

Chế tài	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Phạt cảnh cáo, phạt tiền	39	24%
Án treo, cải tạo không giam giữ	9	5%
Dưới 03 năm tù	98	59%
Từ 02 năm đến dưới 07 năm tù	11	7%
Từ 07 năm đến dưới 15 năm tù	8	5%
Trên 15 năm tù	0	0%
Tổng	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.19: Bảng thống kê sở thích, thói quen của các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Sở thích, thói quen	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Thích hưởng thụ, lười lao động	100	60%
Thích khoe tài sản, coi trọng vật chất	30	18%
Tụ tập đàn đúm ăn chơi, quây phá	35	22%
Tổng số	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.20: Bảng thống kê đặc điểm nhận thức, tâm lý của các bị cáo trước khi phạm tội trộm cắp tài sản.

Nhận thức, tâm lý của các bị cáo trước khi phạm tội trộm cắp tài sản	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Biết là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện	143	87%
Không quan tâm quy định của pháp luật	1	1%
Không thấy trước được hậu quả tác hại, không biết đó là hành vi vi phạm pháp luật	21	13%
Tổng số	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương

Bảng 2.21: Bảng thống kê thái độ, nhận thức, tâm lý của các bị cáo sau khi phạm tội trộm cắp tài sản.

Nhận thức, tâm lý của các bị cáo sau khi phạm tội trộm cắp tài sản	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Ăn hận, xấu hổ	70	42,42
Lo sợ, hoang mang	45	27,27
Bình thường, bình tĩnh, thoải mái	20	12,12
Bất cần, dửng dưng, lạnh lùng	30	18,18
Tổng số	165	100%

Nguồn: Tổng hợp 100 bản án HSST đã xét xử của TAND hai cấp tỉnh Bình Dương